



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

CÔNG BÁO

Tỉnh Đắk Lắk

Số 03+04

Ngày 10 tháng 7 năm 2025

MỤC LỤC

	Trích yếu nội dung	Trang
VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT		
HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH		
24-6-2025	Nghị quyết số 04/2025/NQ-HĐND bãi bỏ một số nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk.	5
ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH		
30-6-2025	Quyết định số 37/2025/QĐ-UBND quy định chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Sở Y tế tỉnh Đắk Lắk.	7
07-7-2025	Quyết định số 001/2025/QĐ-UBND quy định các hệ số K thành phần làm cơ sở xác định tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.	15
VĂN BẢN KHÁC		
HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH		
24-6-2025	Nghị quyết số 41/NQ-HĐND về việc điều chỉnh, bổ sung và giao chi tiết danh mục dự án đầu tư từ phần vốn còn lại nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 05 năm (2021 - 2025) thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.	17
24-6-2025	Nghị quyết số 42/NQ-HĐND về việc giao chi tiết kế hoạch vốn đầu tư phát triển từ nguồn ngân sách trung ương giao bổ sung và phân bổ sau nguồn ngân sách	23

trung ương và ngân sách tỉnh thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, năm 2025.

- | | | |
|-----------|--|----|
| 24-6-2025 | Nghị quyết số 43/NQ-HĐND hỗ trợ thôi việc đối với lực lượng Công an xã bán chuyên trách kết thúc nhiệm vụ sau khi kiện toàn lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk. | 28 |
| 24-6-2025 | Nghị quyết số 44/NQ-HĐND về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 5 năm (2021-2025) thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững. | 34 |
| 24-6-2025 | Nghị quyết số 45/NQ-HĐND về việc điều chỉnh và phân bổ chi tiết kế hoạch vốn đầu tư phát triển từ phần phân bổ sau nguồn ngân sách trung ương và ngân sách tỉnh thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững, năm 2025. | 41 |
| 24-6-2025 | Nghị quyết số 46/NQ-HĐND về việc phân bổ chi tiết kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách trung ương và ngân sách tỉnh thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, năm 2025. | 46 |
| 27-6-2025 | Nghị quyết số 140/NQ-HĐND về việc cho thôi làm nhiệm vụ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk khóa X, nhiệm kỳ 2021 – 2026. | 50 |
| 30-6-2025 | Nghị quyết số 142/NQ-HĐND về việc cho thôi làm nhiệm vụ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk khóa X, nhiệm kỳ 2021 - 2026. | 52 |
| 30-6-2025 | Nghị quyết số 143/NQ-HĐND về việc cho thôi làm nhiệm vụ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk khóa X, nhiệm kỳ 2021 – 2026. | 53 |

30-6-2025	Nghị quyết số 144/NQ-HĐND về việc cho thôi làm nhiệm vụ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk khóa X, nhiệm kỳ 2021 - 2026.	54
02-7-2025	Nghị quyết số 01/NQ-HĐND về việc thành lập Sở Nội vụ tỉnh Đắk Lắk.	55
02-7-2025	Nghị quyết số 02/NQ-HĐND về việc thành lập Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk.	57
02-7-2025	Nghị quyết số 03/NQ-HĐND về việc thành lập Sở Tài chính tỉnh Đắk Lắk.	59
02-7-2025	Nghị quyết số 04/NQ-HĐND về việc thành lập Sở Công Thương tỉnh Đắk Lắk.	61
02-7-2025	Nghị quyết số 05/NQ-HĐND về việc thành lập Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đắk Lắk.	63
02-7-2025	Nghị quyết số 06/NQ-HĐND về việc thành lập Sở Xây dựng tỉnh Đắk Lắk.	65
02-7-2025	Nghị quyết số 07/NQ-HĐND về việc thành lập Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Đắk Lắk.	67
02-7-2025	Nghị quyết số 08/NQ-HĐND về việc thành lập Sở Dân tộc và Tôn giáo tỉnh Đắk Lắk.	69
02-7-2025	Nghị quyết số 09/NQ-HĐND về việc thành lập Sở Y tế tỉnh Đắk Lắk.	71
02-7-2025	Nghị quyết số 10/NQ-HĐND về việc thành lập Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Đắk Lắk.	73
02-7-2025	Nghị quyết số 11/NQ-HĐND về việc thành lập Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Đắk Lắk.	75

02-7-2025	Nghị quyết số 12/NQ-HĐND về việc thành lập Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk.	77
02-7-2025	Nghị quyết số 13/NQ-HĐND về việc thành lập Thanh tra tỉnh Đắk Lắk.	79
02-7-2025	Nghị quyết số 14/NQ-HĐND về việc thành lập các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk khóa X, nhiệm kỳ 2021 - 2026.	81
02-7-2025	Nghị quyết số 15/NQ-HĐND về việc thành lập Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk.	83
02-7-2025	Nghị quyết số 16/NQ-HĐND về việc tổ chức các kỳ họp của Hội đồng nhân dân tỉnh 6 tháng cuối năm 2025.	85
02-7-2025	Nghị quyết số 17/NQ-HĐND Chương trình giám sát của Hội đồng nhân dân tỉnh năm 2026.	87
02-7-2025	Nghị quyết số 18/NQ-HĐND quyết định áp dụng văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân tỉnh sau khi họp nhất tỉnh Đắk Lắk và tỉnh Phú Yên.	90
ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH		
04-7-2025	Quyết định số 0155/QĐ-UBND về việc thống nhất áp dụng Quy chế làm việc của UBND tỉnh.	92

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

Số: 04/2025/NQ-HĐND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Đắk Lắk, ngày 24 tháng 6 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

Bãi bỏ một số nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;

Xét Tờ trình số 74/TTr-UBND ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết bãi bỏ một số nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 57/BC-HĐND ngày 20 tháng 6 năm 2025 của Ban Pháp chế của HĐND tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu HĐND tỉnh tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết Bãi bỏ một số nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

Điều 1. Bãi bỏ toàn bộ các nghị quyết

Bãi bỏ toàn bộ các nghị quyết sau đây:

1. Nghị quyết số 24/2017/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về phát triển cà phê bền vững của tỉnh Đắk Lắk đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030.

2. Nghị quyết số 26/2017/NQ-HĐND ngày 11 tháng 10 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định khoảng cách và địa bàn làm căn cứ xác định học sinh không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày; tỷ lệ khoán kinh phí phục vụ việc nấu ăn cho học sinh theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

3. Nghị quyết số 15/2023/NQ-HĐND ngày 10 tháng 10 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Giao thẩm quyền cho Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định chủ trương đầu tư các dự án đầu tư công nhóm C.

4. Nghị quyết số 22/2023/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định khung hệ số điều chỉnh giá đất năm 2024 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

Điều 2. Điều khoản thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 04 tháng 7 năm 2025.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk khóa X, Kỳ họp thứ Mười thông qua ngày 24 tháng 6 năm 2025./.

CHỦ TỊCH

Huỳnh Thị Chiến Hòa

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 37/2025/QĐ-UBND

Đắk Lắk, ngày 30 tháng 6 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Quy định chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn
của Sở Y tế tỉnh Đắk Lắk

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Quốc hội quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 150/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

Căn cứ Thông tư số 20/2025/TT-BYT ngày 23 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chuyên môn về y tế thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Y tế tại Tờ trình số 87/TTr-SYT ngày 12 tháng 6 năm 2025 và Báo cáo số 257/BC-SYT ngày 20 tháng 6 năm 2025;

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Sở Y tế tỉnh Đắk Lắk.

Điều 1. Vị trí và chức năng

1. Vị trí

a) Sở Y tế là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng theo quy định của pháp luật.

b) Sở Y tế chịu sự chỉ đạo, quản lý về tổ chức, biên chế và hoạt động của Ủy ban nhân dân tỉnh; đồng thời chịu sự chỉ đạo, kiểm tra, hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ của Bộ Y tế.

2. Chức năng: Sở Y tế có chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý nhà nước về lĩnh vực y tế bao gồm: y tế dự phòng; khám bệnh, chữa bệnh, phục hồi chức năng; giám định y khoa, pháp y, pháp y tâm thần; bà mẹ, trẻ em; dân số; phòng, chống tệ nạn xã hội (không bao gồm cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy); quản lý, sử dụng Quỹ Bảo trợ trẻ em; bảo trợ xã hội; y, dược cổ truyền; dược, mỹ phẩm; an toàn thực phẩm; thiết bị y tế; bảo hiểm y tế theo quy định của pháp luật.

Điều 2. Nhiệm vụ và quyền hạn

1. Trình Ủy ban nhân dân tỉnh:

a) Dự thảo nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh, dự thảo quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh liên quan đến các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Sở Y tế và các văn bản khác theo phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh.

b) Dự thảo kế hoạch, chương trình, đề án, dự án và biện pháp tổ chức thực hiện các nhiệm vụ về phát triển ngành, lĩnh vực trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý của Sở Y tế.

c) Dự thảo quyết định quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Y tế; dự thảo quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của chi cục và các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở Y tế, trừ trường hợp pháp luật chuyên ngành có quy định khác.

d) Dự thảo quyết định thực hiện xã hội hóa hoạt động cung ứng dịch vụ sự nghiệp công trong lĩnh vực y tế thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh.

đ) Dự thảo quyết định phân cấp, ủy quyền các nhiệm vụ thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Sở Y tế theo quy định của pháp luật.

2. Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh dự thảo các văn bản thuộc thẩm quyền ban hành của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh theo phân công.

3. Tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, đề án, dự án và các văn bản khác về lĩnh vực y tế sau khi được phê duyệt; thông tin, tuyên truyền, hướng dẫn, phổ biến, giáo dục pháp luật và theo dõi thi hành pháp luật về các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Sở Y tế.

4. Tổ chức thực hiện việc thẩm định, cấp mới, cấp lại, gia hạn, điều chỉnh, đình chỉ, thu hồi giấy phép, giấy chứng nhận, giấy xác nhận thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Y tế theo phân công, phân cấp và theo quy định của pháp luật. Thực hiện quản lý, giám sát chất lượng của các dịch vụ, sản phẩm, hàng hóa thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Sở Y tế theo quy định của pháp luật.

5. Về y tế dự phòng:

a) Hướng dẫn, tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật; quy định chuyên môn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phòng, chống các bệnh truyền nhiễm và HIV/AIDS, bệnh không lây nhiễm, bệnh nghề nghiệp, tai nạn thương tích; xác định tình trạng nghiện ma túy, dự phòng và điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện, các chất ma túy khác; sức khỏe môi trường, sức khỏe trường học, vệ sinh và sức khỏe lao động; dinh dưỡng cộng đồng; kiểm dịch y tế biên giới; quản lý chất thải trong khuôn viên cơ sở y tế; quản lý hoá chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế theo quy định của pháp luật.

b) Hướng dẫn, tổ chức thực hiện giám sát bệnh truyền nhiễm và HIV/AIDS, bệnh không lây nhiễm, bệnh chưa rõ nguyên nhân, các yếu tố nguy cơ ảnh hưởng đến sức khỏe, các vấn đề y tế công cộng khác; phát hiện sớm và xử lý các bệnh

truyền nhiễm gây dịch; thực hiện thông báo tình hình dịch theo quy định của pháp luật; tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố dịch và công bố hết dịch theo quy định của pháp luật.

c) Hướng dẫn, tổ chức thực hiện hoạt động tiêm chủng vắc xin và sử dụng sinh phẩm y tế cho các đối tượng theo quy định của pháp luật; tổ chức tiếp nhận hồ sơ, thực hiện đăng tải thông tin về cơ sở đủ điều kiện tiêm chủng trên trang thông tin điện tử của Sở Y tế theo quy định của pháp luật.

d) Công bố, công bố lại cơ sở đủ điều kiện, đình chỉ, hủy bỏ hồ sơ công bố cơ sở đủ điều kiện hoạt động điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế theo quy định của pháp luật; đăng tải danh sách các cơ sở đã tự công bố đạt tiêu chuẩn an toàn sinh học cấp I và cấp II trên trang thông tin điện tử của Sở Y tế theo quy định của pháp luật.

đ) Quản lý, hướng dẫn và tổ chức thực hiện hoạt động quan trắc môi trường lao động tại cơ sở lao động; đánh giá, kiểm soát, quản lý các yếu tố có hại sức khỏe tại nơi làm việc; xây dựng cơ sở dữ liệu về hoạt động quan trắc môi trường lao động, công bố tổ chức quan trắc môi trường lao động đủ điều kiện hoạt động và tổ chức quan trắc môi trường bị đình chỉ hoạt động theo quy định của pháp luật; tham mưu với Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt và kiểm tra, giám sát thực hiện theo quy định.

e) Hướng dẫn theo thẩm quyền công tác quản lý vệ sinh lao động, khám sức khỏe người lao động, khám phát hiện bệnh nghề nghiệp, quản lý sức khỏe người lao động tại nơi làm việc; quản lý về công tác huấn luyện cấp chứng chỉ chứng nhận chuyên môn về y tế lao động, huấn luyện sơ cứu, cấp cứu tại nơi làm việc theo quy định của pháp luật.

g) Đầu mối về công tác phòng chống tác hại của thuốc lá, phòng chống tác hại của rượu, bia theo quy định của pháp luật.

6. Về khám bệnh, chữa bệnh, phục hồi chức năng; giám định y khoa, giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần:

a) Hướng dẫn, tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, quy định chuyên môn kỹ thuật, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khám bệnh, chữa bệnh, phục hồi chức năng, giám định y khoa, giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần theo phân cấp quản lý và theo quy định của pháp luật.

b) Thẩm định, xếp cấp chuyên môn kỹ thuật đối với các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh và phê duyệt danh mục kỹ thuật được thực hiện tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền theo phân cấp và theo quy định của pháp luật.

c) Hướng dẫn về chuyên môn và thực hiện nhiệm vụ bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ thuộc diện quản lý theo quy định.

7. Về bà mẹ, trẻ em:

a) Hướng dẫn, tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, chiến lược, chính sách, chương trình, kế hoạch, mục tiêu quốc gia, chỉ tiêu về bà mẹ, trẻ

em; các quy định chuyên môn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản, dịch vụ bảo vệ trẻ em.

b) Hướng dẫn, tổ chức thực hiện việc tư vấn, chăm sóc sức khỏe sinh sản; tư vấn, dinh dưỡng, chăm sóc sức khỏe cho bà mẹ, trẻ em; tư vấn, sàng lọc, chẩn đoán, điều trị trước sinh và sơ sinh; mô hình, dự án về bảo vệ bà mẹ, trẻ em; Tháng hành động vì trẻ em; sự tham gia của trẻ em vào các vấn đề về trẻ em; chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt; phòng, chống tai nạn, thương tích trẻ em.

c) Điều phối thực hiện quyền trẻ em phù hợp với đặc điểm, điều kiện của địa phương; đề xuất việc bố trí, vận động nguồn lực bảo đảm thực hiện quyền của trẻ em và bảo vệ trẻ em tại địa phương; tổ chức, quản lý hoạt động của cơ sở cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em theo thẩm quyền; hỗ trợ, can thiệp đối với trường hợp trẻ em bị xâm hại hoặc có nguy cơ bị bạo lực, bóc lột, bỏ rơi và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt.

d) Theo dõi, đánh giá việc thực hiện các quyền trẻ em theo quy định của pháp luật; đề xuất việc lồng ghép các mục tiêu, chỉ tiêu về trẻ em khi địa phương xây dựng quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội; xây dựng báo cáo hằng năm hoặc đột xuất về việc thực hiện quyền trẻ em, giải quyết các vấn đề về trẻ em của địa phương.

8. Về dân số:

a) Hướng dẫn, tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, chiến lược, chính sách, chương trình, kế hoạch, đề án, dự án, mô hình, hệ thống mục tiêu, chỉ tiêu về dân số; quy định chuyên môn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về dịch vụ trong lĩnh vực dân số.

b) Thực hiện công tác quản lý nhà nước về quy mô, cơ cấu, chất lượng dân số trên địa bàn. Tham mưu các giải pháp nhằm điều chỉnh quy mô dân số phù hợp, kiểm soát tỷ số giới tính khi sinh, nâng cao chất lượng dân số và thích ứng với già hóa dân số.

c) Chủ trì, phối hợp liên ngành trong công tác dân số; lồng ghép nội dung về dân số - phát triển trong xây dựng quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

9. Về bảo trợ xã hội và phòng, chống tệ nạn xã hội:

a) Hướng dẫn, tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, chính sách, chương trình, kế hoạch về trợ giúp xã hội, trợ cấp hưu trí xã hội, hỗ trợ chi phí mai táng, công tác xã hội, công tác người cao tuổi, công tác người khuyết tật và các trợ giúp xã hội khác.

b) Hướng dẫn, tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật, chính sách, chương trình, kế hoạch về phòng, chống tệ nạn mại dâm và hỗ trợ nạn nhân bị mua bán, người đang trong quá trình xác định là nạn nhân bị mua bán.

c) Hướng dẫn, tổ chức thực hiện chính sách, pháp luật về trợ giúp xã hội khẩn cấp trong việc khắc phục hậu quả thiên tai, thảm họa, dịch bệnh hoặc các lý do bất khả kháng khác.

d) Hướng dẫn, tổ chức thực hiện các quy định về điều kiện, thủ tục thành lập và đăng ký, cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội, cơ sở chăm sóc người khuyết tật theo quy định của pháp luật.

đ) Hướng dẫn, tổ chức thực hiện hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc tại cơ sở trợ giúp xã hội, cơ sở chăm sóc người cao tuổi, người khuyết tật.

e) Hướng dẫn, tổ chức thực hiện việc sàng lọc dấu hiệu bị mua bán đối với người lao động; việc tiếp nhận và thực hiện biện pháp hỗ trợ y tế, hỗ trợ tâm lý đối với nạn nhân, người đang trong quá trình xác định là nạn nhân bị mua bán và hỗ trợ nạn nhân bị mua bán hòa nhập cộng đồng.

g) Hướng dẫn, tổ chức thực hiện lồng ghép nội dung phòng, chống tệ nạn mại dâm, mua bán người vào chương trình phòng, chống tệ nạn xã hội, bảo vệ trẻ em, chương trình vì sự tiến bộ của phụ nữ và chương trình khác về phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

10. Về y, dược cổ truyền:

a) Hướng dẫn, tổ chức thực hiện các cơ chế, chính sách, các văn bản quy phạm pháp luật về kế thừa, bảo tồn, phát triển, hiện đại hóa y, dược cổ truyền; quy định chuyên môn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về y, dược cổ truyền; kết hợp y, dược cổ truyền với y, dược hiện đại.

b) Phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức triển khai các biện pháp bảo tồn, khai thác, sử dụng hợp lý và bền vững nguồn dược liệu, phát triển vùng nuôi trồng dược liệu.

11. Về dược và mỹ phẩm:

a) Hướng dẫn, tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, quy định chuyên môn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về dược, mỹ phẩm; bộ tiêu chuẩn quốc gia về thuốc.

b) Thực hiện quản lý về chất lượng thuốc, nguyên liệu làm thuốc; đình chỉ lưu hành, thu hồi thuốc, nguyên liệu làm thuốc; kiểm tra giám sát việc thu hồi, xử lý thuốc, nguyên liệu làm thuốc, mỹ phẩm thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định của pháp luật.

c) Tham mưu với Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện đấu thầu, mua thuốc theo quy định của pháp luật và triển khai các giải pháp cung ứng thuốc phục vụ công tác khám bệnh, chữa bệnh, khắc phục hậu quả thiên tai, thảm họa.

d) Chỉ đạo, hướng dẫn tổ chức thực hiện hoạt động dược lâm sàng bảo đảm an toàn, hiệu quả theo quy định của pháp luật.

12. Về an toàn thực phẩm:

a) Chủ trì, xây dựng và trình cấp có thẩm quyền ban hành quy chuẩn kỹ thuật địa phương về an toàn thực phẩm đối với các sản phẩm thực phẩm đặc thù của địa phương thuộc ngành y tế quản lý theo quy định của pháp luật.

b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan quản lý an toàn thực phẩm, điều tra, xử lý các vụ ngộ độc thực phẩm trên địa bàn; giám sát, kiểm tra điều kiện bảo đảm an toàn đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nhỏ lẻ, thức ăn đường phố, cơ sở kinh doanh, dịch vụ ăn uống, an toàn thực phẩm tại các chợ trên địa bàn và các đối tượng theo phân cấp quản lý.

13. Về thiết bị y tế và công trình y tế:

a) Hướng dẫn, tổ chức thực hiện các quy định của pháp luật về quản lý thiết bị y tế và công trình y tế trên địa bàn tỉnh.

b) Đăng tải công khai các thông tin về thiết bị y tế, về cơ sở sản xuất, kinh doanh thiết bị y tế trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật.

14. Về bảo hiểm y tế:

a) Hướng dẫn, tổ chức thực hiện các quy định của pháp luật về bảo hiểm y tế trên địa bàn tỉnh theo thẩm quyền.

b) Chủ trì, phối hợp với cơ quan Bảo hiểm xã hội ở địa phương thực hiện chính sách, pháp luật về bảo hiểm y tế trên địa bàn tỉnh.

15. Về đào tạo, bồi dưỡng, phát triển nguồn nhân lực y tế:

a) Xây dựng, trình cấp có thẩm quyền ban hành chế độ khuyến khích phát triển nguồn nhân lực y tế trên địa bàn tỉnh và ban hành kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức, người lao động thuộc phạm vi quản lý.

b) Tổ chức thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực y tế và các chế độ, chính sách phát triển nguồn nhân lực y tế trên địa bàn tỉnh.

c) Quản lý cơ sở đào tạo, bồi dưỡng, đội ngũ giảng viên và các chương trình, tài liệu bồi dưỡng công chức, viên chức, người lao động theo thẩm quyền.

16. Về truyền thông, cung cấp thông tin y tế:

a) Thực hiện truyền thông vận động, huy động sự ủng hộ của cấp ủy Đảng, chính quyền, các tổ chức chính trị - xã hội và sự chủ động tham gia của người dân về công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trên địa bàn.

b) Hướng dẫn, tổ chức thực hiện công tác truyền thông, giáo dục sức khỏe cho người dân; công tác giáo dục y đức, y nghiệp và phong trào thi đua yêu nước, học tập và làm theo tấm gương đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh cho cán bộ, nhân viên y tế trên địa bàn.

c) Đầu mối thực hiện tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật, cung cấp thông tin, quản lý thông tin về lĩnh vực y tế theo thẩm quyền; phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan xử lý khủng hoảng truyền thông về ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý tại địa phương; thực hiện quy chế phát ngôn, cung cấp thông tin về lĩnh vực y tế theo quy định.

17. Giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý, sử dụng Quỹ Bảo trợ trẻ em theo quy định; quản lý nhà nước theo thẩm quyền đối với các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế tập thể, kinh tế tư nhân, các hội, hiệp hội và tổ chức phi chính phủ tham gia hoạt động trong lĩnh vực y tế ở địa phương theo quy định của pháp luật.

18. Tổ chức thực hiện việc tiếp nhận hồ sơ, giải quyết các thủ tục hành chính theo phân công, phân cấp, ủy quyền của cấp có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

19. Kiểm tra và xử lý vi phạm theo thẩm quyền đối với các tổ chức, cá nhân trong việc thực hiện các quy định của pháp luật về ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Sở Y tế theo quy định của pháp luật và theo sự phân công hoặc ủy quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh.

20. Triển khai thực hiện các nội dung cải cách hành chính trong lĩnh vực y tế theo mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của chương trình cải cách hành chính nhà nước của Ủy ban nhân dân tỉnh.

21. Thực hiện hợp tác quốc tế trong lĩnh vực y tế theo phân công hoặc ủy quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh.

22. Hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ thuộc lĩnh vực y tế đối với cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã và đơn vị liên quan.

23. Tổ chức nghiên cứu, ứng dụng thành tựu khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo; xây dựng, quản lý hồ sơ sức khỏe điện tử; xây dựng, quản lý, duy trì, cập nhật, bảo đảm an ninh, an toàn hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu, chuyển đổi số phục vụ công tác quản lý nhà nước và chuyên môn, nghiệp vụ thuộc lĩnh vực y tế theo quy định của pháp luật.

24. Tổ chức thực hiện việc tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo; phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí theo quy định của pháp luật.

25. Quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các tổ chức thuộc Sở Y tế phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Y tế.

26. Quản lý tổ chức bộ máy, biên chế công chức, cơ cấu ngạch công chức, vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và số lượng người làm việc trong các đơn vị thuộc và trực thuộc Sở; thực hiện chế độ tiền lương và chính sách, chế độ đãi ngộ, khen thưởng, kỷ luật, đánh giá chất lượng đối với công chức, viên chức, người lao động thuộc phạm vi quản lý của Sở Y tế theo quy định của pháp luật và theo sự phân công, phân cấp hoặc ủy quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh.

27. Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện cơ chế tự chủ đối với các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành, lĩnh vực theo quy định của pháp luật; quản lý hoạt động của các đơn vị sự nghiệp trong và ngoài công lập thuộc phạm vi quản lý của ngành, lĩnh vực.

28. Quản lý và chịu trách nhiệm về tài chính, tài sản được giao theo quy định của pháp luật.

29. Thực hiện công tác thông tin, báo cáo định kỳ, đột xuất về tình hình thực hiện nhiệm vụ được giao với Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Y tế.

30. Thường trực cho tổ chức phối hợp liên ngành của tỉnh theo ngành, lĩnh vực phụ trách; thực hiện nhiệm vụ theo phân cấp, ủy quyền và các nhiệm vụ khác do Ủy ban nhân dân tỉnh giao theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.
2. Quyết định này thay thế Quyết định số 28/2022/QĐ-UBND ngày 21 tháng 7 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Y tế tỉnh Đắk Lắk.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Giao Sở Y tế chủ trì phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan triển khai, thực hiện Quyết định này.
2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Y tế; Giám đốc Sở Nội vụ; Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
Q. CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thiên Văn

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK

Số: 001/2025/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đắk Lắk, ngày 07 tháng 7 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Quy định các hệ số K thành phần làm cơ sở xác định tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15/11/2017;

Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp; Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 172/TTr-SNNMT ngày 10/6/2025;

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định Quy định các hệ số K thành phần làm cơ sở xác định tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

Điều 1. Quy định các hệ số K thành phần làm cơ sở xác định tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, cụ thể như sau:

1. Đối tượng áp dụng hệ số K

a) Quỹ Bảo vệ, phát triển rừng và Môi trường;

b) Bên cung ứng dịch vụ môi trường rừng: Gồm chủ rừng được quy định tại Điều 8 của Luật Lâm nghiệp năm 2017; Ủy ban nhân dân cấp xã và tổ chức khác được Nhà nước giao trách nhiệm quản lý rừng theo quy định của pháp luật; hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư có hợp đồng nhận khoán bảo vệ rừng với tổ chức do Nhà nước thành lập.

2. Các hệ số K thành phần gồm:

a) Hệ số K_1 điều chỉnh mức chi trả dịch vụ môi trường rừng theo trữ lượng rừng. Hệ số K_1 có giá trị bằng: 1,00 đối với rừng giàu; 0,95 đối với rừng trung bình; 0,90 đối với rừng nghèo, rừng nghèo kiệt, rừng chưa có trữ lượng, rừng tre nứa, rừng không phân chia trữ lượng và rừng trồng. Tiêu chí trữ lượng rừng theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường).

b) Hệ số K_2 điều chỉnh mức chi trả dịch vụ môi trường rừng theo mục đích sử dụng rừng được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt, gồm rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất và rừng tự nhiên ngoài quy hoạch lâm nghiệp. Hệ số K_2 có giá trị bằng: 1,00 đối với rừng đặc dụng; 0,95 đối với rừng

phòng hộ; 0,90 đối với rừng sản xuất và rừng tự nhiên ngoài quy hoạch lâm nghiệp;

c) Hệ số K_3 điều chỉnh mức chi trả dịch vụ môi trường rừng theo nguồn gốc hình thành rừng, gồm rừng tự nhiên và rừng trồng. Hệ số K_3 có giá trị bằng: 1,00 đối với rừng tự nhiên; 0,90 đối với rừng trồng;

d) Hệ số K_4 điều chỉnh mức chi trả dịch vụ môi trường rừng theo mức độ khó khăn được quy định đối với diện tích cung ứng dịch vụ môi trường rừng nằm trên địa bàn các xã khu vực I, II, III theo quy định của Thủ tướng Chính phủ. Hệ số K_4 có giá trị bằng: 1,00 đối với xã thuộc khu vực III; 0,95 đối với xã thuộc khu vực II; 0,90 đối với xã thuộc khu vực I và các xã chưa được Thủ tướng Chính phủ quy định.

Điều 2. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Quyết định, theo dõi và báo cáo kết quả thực hiện Quyết định này cho Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Môi trường, Tài chính, Công thương; Giám đốc Quỹ Bảo vệ, phát triển rừng và Môi trường; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã và Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 18 tháng 07 năm 2025 và thay thế Quyết định số 05/2021/QĐ-UBND ngày 05/02/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc Quy định các hệ số K thành phần làm cơ sở xác định tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thiên Văn

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 41/NQ-HĐND

Đắk Lắk, ngày 24 tháng 6 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

Về việc điều chỉnh, bổ sung và giao chi tiết danh mục dự án đầu tư từ phần vốn còn lại nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 05 năm (2021 - 2025) thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK
KHÓA X, KỲ HỌP THỨ MƯỜI**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị quyết số 111/2024/QH15 ngày 18 tháng 01 năm 2024 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc thù thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia; Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 864/QĐ-TTg ngày 05 tháng 5 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2021 - 2025 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 của các địa phương tại các Quyết định số 652/QĐ-TTg ngày 28 tháng 5 năm 2022, số 147/QĐ-TTg ngày 23 tháng 02 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Công văn số 5817/BKHĐT-TCTT ngày 23 tháng 7 năm 2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc trả lời kiến nghị của địa phương về tổ chức thực

hiện Nghị quyết số 111/2024/QH15 của Quốc hội;

Thực hiện Nghị quyết số 47/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc cập nhật danh mục dự án đầu tư từ nguồn ngân sách trung ương và ngân sách tỉnh giai đoạn 05 năm (2021-2025) thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk;

Xét Tờ trình số 48/TTr-UBND ngày 16 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc trình Dự thảo Nghị quyết điều chỉnh và giao chi tiết danh mục dự án đầu tư từ phần vốn còn lại nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 05 năm (2021 - 2025) thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới; Tờ trình số 87/TTr-UBND ngày 20 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc trình Dự thảo Nghị quyết phân bổ kế hoạch vốn đầu tư phát triển từ nguồn ngân sách trung ương giao bổ sung thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giai đoạn 05 năm (2021 - 2025); Báo cáo thẩm tra số 77/BC-HĐND ngày 23 tháng 6 năm 2025 của Ban Kinh tế - Ngân sách của Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất điều chỉnh, bổ sung và giao chi tiết danh mục dự án đầu tư từ phần vốn còn lại nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 05 năm (2021 - 2025) thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới. Cụ thể như sau:

1. Thống nhất điều chỉnh giảm kế hoạch vốn đầu tư phát triển giai đoạn 2021 – 2025 dự kiến để khen thưởng công trình phúc lợi cho các xã, huyện đạt chuẩn giai đoạn 2023 – 2025 tại Nghị quyết số 27/NQ-HĐND ngày 24 tháng 8 năm 2022, với số vốn là 38.000 triệu đồng, để điều chỉnh tăng kế hoạch vốn đầu tư phát triển giai đoạn 2021 – 2025 trên địa bàn 04 đơn vị cấp huyện: Ea Kar, Krông Ana, Cư Kuin và Buôn Hồ.

(Chi tiết tại Phụ lục I kèm theo)

Các nội dung khác không điều chỉnh thì tiếp tục thực hiện theo các Nghị quyết số: 27/NQ-HĐND ngày 24 tháng 8 năm 2022; 47/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Giao chi tiết danh mục các dự án từ nguồn vốn 48.390 triệu đồng kế hoạch vốn đầu tư phát triển từ nguồn ngân sách trung ương và ngân sách tỉnh giai đoạn 05 năm (2021 - 2025) thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.

(Chi tiết tại Phụ lục II kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết, báo cáo kết quả thực hiện tại các kỳ họp của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của từng số liệu, số vốn, nội dung; đảm bảo đúng quy định pháp luật về Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách Nhà nước, Nghị quyết của Quốc hội và các quy định pháp luật khác liên quan; đúng nguyên tắc phân bổ vốn tại Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk khoá X, Kỳ họp thứ Mười thông qua ngày 24 tháng 6 năm 2025 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày thông qua./.

CHỦ TỊCH

Huỳnh Thị Chiến Hòa

Phụ lục I**ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN TỪ NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG VÀ NGÂN SÁCH TỈNH GIAI ĐOẠN 2021-2025 THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI***(Kèm theo Nghị quyết số 41/NQ-HĐND ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk)**Đơn vị tính: Triệu đồng*

STT	Nội dung	Kế hoạch vốn ĐTPPT nguồn NSTW và NST giai đoạn 2021 - 2025 đã giao	Điều chỉnh		Kế hoạch vốn ĐTPPT nguồn NSTW và NST giai đoạn 2021 - 2025 sau điều	Ghi chú
			Giảm (-)	Tăng (+)		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
	TỔNG CỘNG	1,616,960	38,000	38,000	1,616,960	
A	PHÂN BỐ CHO CÁC HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ THỰC HIỆN CÁC MỤC TIÊU CỦA CHƯƠNG TRÌNH NÔNG THÔN MỚI	1,568,960	-	35,000	1,603,960	
1	Thành phố Buôn Ma Thuột	70,133			70,133	
2	Thị xã Buôn Hồ	72,811		11,000	83,811	
3	Huyện Cư M'gar	133,444			133,444	
4	Huyện Krông Năng	109,428			109,428	
5	Huyện Buôn Đôn	101,167			101,167	
6	Huyện M'Đrắk	84,890			84,890	
7	Huyện Ea Kar	157,619		6,000	163,619	
8	Huyện Krông Pắc	130,380			130,380	
9	Huyện Ea H'leo	122,180			122,180	
10	Huyện Krông Búk	111,838			111,838	
11	Huyện Lắk	78,580			78,580	
12	Huyện Cư Kuin	102,209		11,000	113,209	
13	Huyện Ea Súp	110,883			110,883	
14	Huyện Krông Ana	108,008		7,000	115,008	
15	Huyện Krông Bông	75,390			75,390	
B	PHÂN BỐ ĐỂ THỰC HIỆN MÔ HÌNH CHƯƠNG TRÌNH OCOP	10,000		3,000	13,000	
1	Huyện Krông Ana	10,000	-	3,000	13,000	
C	DỰ KIẾN PHÂN BỐ KHEN THƯỞNG CÔNG TRÌNH PHÚC LỢI GIAI ĐOẠN 2023 - 2025	38,000	38,000		-	

Phụ lục II

**GAO CHI TIẾT DANH MỤC DỰ ÁN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN TỪ NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG VÀ NGÂN SÁCH TỈNH
GIAI ĐOẠN 05 NĂM (2021-2025) THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH
ĐẮK LẮK**

(Kèm theo Nghị quyết số 41/NQ-HĐND ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Tên dự án	Địa điểm xây dựng theo văn bản thông báo danh mục, mức vốn	Địa điểm xây dựng theo đơn vị hành chính cấp xã sau sắp xếp	Cơ chế đầu tư (Thông thường/ Đặc thù)	Thời gian KC-HT	Quy mô đầu tư dự kiến	Khu vực (xã, thôn, buôn)	Mức hỗ trợ tối đa từ NSTW và NST theo Nghị quyết số 16/2022/NQ-HĐND	Tổng mức đầu tư dự kiến					Kế hoạch vốn NSTW và NST giai đoạn 2021 - 2025	Trong đó:		Ghi chú
									Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:					Phân bổ kế hoạch vốn từ phần còn lại chưa giao chi tiết	Điều chỉnh phần vốn dự sau quyết toán của các dự án	
										NSTW, NST	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách xã	Huy động khác				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
	TỔNG CỘNG								58,250	50,061	7,362	478	349	50,061	48,390	1,671	
I	DANH MỤC DỰ ÁN ĐẦU TƯ TỪ MÔ HÌNH CHỈ ĐẠO ĐIỂM CỦA TRUNG ƯƠNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH OCOP								13,000	13,000	-	-	-	13,000	13,000	-	
1	Nâng cấp, đầu tư cơ sở hạ tầng và hỗ trợ phát triển các sản phẩm để phục vụ điểm du lịch cộng đồng Buôn Kuốp.	Buôn Kuốp, xã Dray Sáp	Xã Ea Na	Thông thường	2025	Gồm các hạng mục: - Nhà sinh hoạt cộng đồng: Nhà tiêu chuẩn cấp 4; - Nhà dài đặc trưng của đồng bào dân tộc Ê đê: Nhà tiêu chuẩn cấp 4; - Nhà vệ sinh công cộng (Cố định tại trung tâm nhà SHCD); - Sân khấu ngoài trời: Diện tích khoảng 80m ² ; - Gian hàng trưng bày sản phẩm tiêu biểu của địa phương (được bố trí trong nhà dài); - Đường xuống khu Bền nước và công trình kèm theo (gồm 02 tuyến đường LT.06 và LT.07), Đường BTXM cấp B, tổng chiều dài tuyến khoảng 1,55km. - Nâng cấp hệ thống điện chiếu sáng từ công buôn Kuốp vào đến nhà sinh hoạt cộng đồng; - Hạ tầng kỹ thuật tại khuôn viên Nhà cộng đồng (sân bê tông, công tường rào, cấp thoát nước, đèn Năng lượng, tiêu cảnh...)	KV I	NSTW và NST hỗ trợ thực hiện mô hình điểm phát triển sản phẩm OCOP về du lịch cộng đồng gắn với phát huy giá trị văn hóa và nghề truyền thống theo Quyết định số 2319/QĐ-UBND ngày 11/9/2024	13,000	13,000	-	-	-	13,000	13,000	-	
II	HUYỆN EA KAR								7,830	6,000	1,710	20	100	6,000	6,000	-	
1	Nâng cấp, cải tạo đường giao thông ĐX2, ĐX3, xã Ea Ô, huyện Ea Kar.	Xã Ea Ô	Xã Ea Ô	Thông thường	2025	Đường GTNT cấp A, kết cấu mặt đường BTXM, tổng chiều dài khoảng 2,9km (02 tuyến)	KV I	NSTW và NST hỗ trợ tối đa 90% TMĐT	7,830	6,000	1,710	20	100	6,000	6,000	-	

III	HUYỆN KRÔNG ANA								8,277	7,449	818	-	10	7,449	7,000	449	
1	Đường giao thông từ xã Dur Kmăl đi xã Băng A Drênh, huyện Krông Ana, tỉnh Đắk Lắk	Xã Dur Kmăl và xã Băng A Drênh	Xã Dur Kmăl	Thông thường	2025	Đường GTNT cấp B; tổng chiều dài khoảng 2,3 km (02 tuyến)	KV I	NSTW và NST hỗ trợ tối đa 90% TMĐT	8,277	7,449	818		10	7,449	7,000	449	
IV	HUYỆN CƯ KUIN								14,426	11,335	2,444	458	189	11,335	11,000	335	
1	Đường giao thông liên xã ĐX 1 và ĐX 2, xã Cư Êwi	Xã Cư Êwi	Xã Ea Ning	Thông thường	2025	Đường GTNT cấp B, kết cấu mặt đường BTXM, tổng chiều dài khoảng 1,8km (02 tuyến)	KV I	NSTW và NST hỗ trợ tối đa 90% TMĐT	3,431	3,088	245	46	52	3,088	2,753	335	
2	Đường giao thông liên thôn, buôn từ thôn 1A đi thôn 1B và Buôn Tăk Mngà đi thôn 12, xã Cư Êwi	Xã Cư Êwi	Xã Ea Ning	Thông thường	2025	Đường GTNT cấp B, kết cấu mặt đường BTXM; tổng chiều dài khoảng 2,6km (03 tuyến)	KV I	NSTW và NST hỗ trợ tối đa 75% TMĐT	3,865	2,899	773	145	48	2,899	2,899	-	
3	Đường giao thông liên thôn các thôn 4, 5, 2, 3, 1A, xã Cư Êwi.	Xã Cư Êwi	Xã Ea Ning	Thông thường	2025	Đường GTNT cấp B, kết cấu mặt đường BTXM; tổng chiều dài khoảng 2,3km (04 tuyến)	KV I	NSTW và NST hỗ trợ tối đa 75% TMĐT	3,450	2,588	690	129	43	2,588	2,588	-	
4	Đường giao thông liên thôn từ thôn 3 đi thôn 9, xã Ea Bhók	Xã Ea Bhók	Xã Ea Ning	Thông thường	2025	Đường GTNT cấp B, kết cấu mặt đường BTXM; tổng chiều dài khoảng 2,3km	KV I	NSTW và NST hỗ trợ tối đa 75% TMĐT	3,680	2,760	736	138	46	2,760	2,760	-	
V	THỊ XÃ BUÔN HỒ								14,717	12,277	2,390	-	50	12,277	11,390	887	
1	Đường giao thông liên xã (Tuyến số 7, từ Buôn Dhu, xã Ea Đrông đến giáp xã Ea Siên), thị xã Buôn Hồ	Xã Ea Đrông	Xã Ea Đrông	Thông thường	2025	Đường GTNT cấp A, kết cấu mặt đường BTXM, tổng chiều dài khoảng 3 km	KV I	NSTW và NST hỗ trợ tối đa 90% TMĐT	8,628	7,765	841		22	7,765	7,688	77	
2	Đường giao thông thôn 8 (đoạn từ ngã ba nhà ông Sâu đến nhà ông Tô), xã Ea Siên, thị xã Buôn Hồ	Xã Ea Siên	Xã Ea Đrông	Thông thường	2025	Đường GTNT cấp B, kết cấu mặt đường BTXM, tổng chiều dài khoảng 1,9 km	KV I	NSTW và NST hỗ trợ tối đa 75% TMĐT	4,489	3,312	1,159		18	3,312	3,312	-	
3	Đường giao thông thôn 8 (đoạn từ ngã ba nhà ông Sâu đến nhà ông Tô), xã Ea Siên, thị xã Buôn Hồ (đoạn từ Km1+900 ÷ Km2+500)	Xã Ea Siên	Xã Ea Đrông	Thông thường	2025	Đường GTNT cấp B, kết cấu mặt đường BTXM, tổng chiều dài khoảng 0,6 km	KV I	NSTW và NST hỗ trợ tối đa 75% TMĐT	1600	1,200	390		10	1,200	390	810	

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 42/NQ-HĐND

Đắk Lắk, ngày 24 tháng 6 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

Về việc giao chi tiết kế hoạch vốn đầu tư phát triển từ nguồn ngân sách trung ương giao bổ sung và phân bổ sau nguồn ngân sách trung ương và ngân sách tỉnh thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, năm 2025

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK
KHÓA X, KỲ HỌP THỨ MƯỜI**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia; Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 1148/QĐ-TTg ngày 13 tháng 6 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao bổ sung dự toán chi đầu tư phát triển, kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách địa phương năm 2025 cho các địa phương thực hiện 03 Chương trình mục tiêu quốc gia (đợt 2);

Thực hiện Nghị quyết số 58/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển từ nguồn ngân sách trung ương và ngân sách tỉnh thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, năm 2025;

Thực hiện Nghị quyết số 41/NQ-HĐND ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh, bổ sung và giao chi tiết danh mục dự án đầu tư từ phân vốn còn lại nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 05 năm

(2021 - 2025) thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới;

Xét Tờ trình số 77/TTr-UBND ngày 17 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc trình Dự thảo Nghị quyết giao chi tiết kế hoạch vốn đầu tư phát triển từ phần phân bổ sau nguồn ngân sách trung ương và ngân sách tỉnh thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, năm 2025; Tờ trình số 88/TTr-UBND ngày 20 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc trình Dự thảo Nghị quyết phân bổ chi tiết kế hoạch vốn đầu tư phát triển từ nguồn ngân sách trung ương giao bổ sung và phần phân bổ sau nguồn ngân sách tỉnh thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, năm 2025; Báo cáo thẩm tra số 82/BC-HĐND ngày 23 tháng 6 năm 2025 của Ban Kinh tế - Ngân sách của Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất phân bổ chi tiết kế hoạch vốn đầu tư phát triển từ phần phân bổ sau nguồn ngân sách trung ương và ngân sách tỉnh thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, năm 2025. Cụ thể như sau:

1. Nguồn vốn: Tổng vốn đầu tư phát triển phân bổ là 53.594 triệu đồng. Bao gồm:

a) Nguồn ngân sách trung ương được Thủ tướng Chính phủ giao bổ sung tại Quyết định số 1148/QĐ-TTg ngày 13 tháng 6 năm 2025 là 390 triệu đồng.

b) Nguồn phân bổ sau tại Nghị quyết số 58/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2024 là 53.204 triệu đồng (Ngân sách trung ương là 10.000 triệu đồng; ngân sách tỉnh là 43.204 triệu đồng).

2. Phân bổ chi tiết 53.594 triệu đồng (ngân sách trung ương 10.390 triệu đồng, ngân sách tỉnh: 43.204 triệu đồng) để khởi công mới 14 dự án đầu tư trên địa bàn các xã: Ea Na; Ea Ô; Dur Kmăl; Ea Ning; Ea Drông, Cư Praq; Ea Kiết; Đăk Liêng; Dang Kang.

(Chi tiết tại Phụ lục kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết, báo cáo kết quả thực hiện tại các kỳ họp của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của từng số liệu, số vốn, nội dung; đảm bảo đúng quy định pháp luật về Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách Nhà nước, Nghị quyết của Quốc hội và các quy định pháp luật khác liên quan; đúng nguyên tắc phân bổ vốn tại Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk khoá X, Kỳ họp thứ Mười thông qua ngày 24 tháng 6 năm 2025 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày thông qua./.

CHỦ TỊCH

Huỳnh Thị Chiến Hòa

Phụ lục

PHÂN BỐ CHI TIẾT KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN TỪ PHẦN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG GIAO BỔ SUNG VÀ PHẦN PHÂN BỐ SAU ĐỂ KHỞI CÔNG MỚI CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ THUỘC CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI, NĂM 2025

(Kèm theo Nghị quyết số 42/NQ-HĐND ngày 24 tháng 6 năm 2025 của HĐND tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Tên dự án	Địa điểm xây dựng theo văn bản thông báo danh mục, mức vốn	Địa điểm xây dựng theo đơn vị hành chính cấp xã sau sắp xếp	Cơ chế đầu tư (Thông thường/Đặc thù)	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư dự án					Kế hoạch năm 2025					Ghi chú
						Tổng mức đầu tư					Tổng số	Trong đó:				
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:					Nguồn NSTW	Nguồn NST			
							NSTW, NST	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách xã	Huy động khác			Tổng	Nguồn thu tiền SDD	Nguồn XSKT	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(16)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
	TỔNG CỘNG					66,467	57,783	7,817	478	389	53,594	10,390	43,204	24,299	18,905	
I	DỰ ÁN ĐẦU TƯ TỪ MÔ HÌNH CHỈ ĐẠO ĐIỂM CỦA TRUNG ƯƠNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH OCOP (HUYỆN KRÔNG ANA)					13,000	13,000	-	-	-	13,000	10,000	3,000	-	3,000	
1	Nâng cấp, đầu tư cơ sở hạ tầng và hỗ trợ phát triển các sản phẩm để phục vụ điểm du lịch cộng đồng Buôn Kuốp.	Buôn Kuốp, xã Dray Sáp	Xã Ea Na	Thông thường	2025	13,000	13,000	-	-	-	13,000	10,000	3,000		3,000	
II	HUYỆN EA KAR					7,830	6,000	1,710	20	100	6,000	-	6,000	3,956	2,044	
1	Nâng cấp, cải tạo đường giao thông ĐX2, ĐX3, xã Ea Ô, huyện Ea Kar.	Xã Ea Ô	Xã Ea Ô	Thông thường	2025	7,830	6,000	1,710	20	100	6,000		6,000	3,956	2,044	
III	HUYỆN KRÔNG ANA					8,277	7,449	818	-	10	7,449	-	7,449	4,000	3,449	
1	Đường giao thông từ xã Dur Kmal đi xã Băng A Drênh, huyện Krông Ana, tỉnh Đắk Lắk	Xã Dur Kmal và xã Băng A Drênh	Xã Dur Kmal	Thông thường	2025	8,277	7,449	818		10	7,449		7,449	4,000	3,449	
IV	HUYỆN CƯ KUIN					14,426	11,335	2,444	458	189	11,335	-	11,335	6,000	5,335	
1	Đường giao thông liên xã ĐX 1 và ĐX 2, xã Cư Êwi	Xã Cư Êwi	Xã Ea Ning	Thông thường	2025	3,431	3,088	245	46	52	3,088		3,088	1,500	1,588	
2	Đường giao thông liên thôn, buôn từ thôn 1A đi thôn 1B và Buôn TẮk Mngà đi thôn 12, xã Cư Êwi	Xã Cư Êwi	Xã Ea Ning	Thông thường	2025	3,865	2,899	773	145	48	2,899		2,899	1,500	1,399	
3	Đường giao thông liên thôn các thôn 4, 5, 2, 3, 1A, xã Cư Êwi.	Xã Cư Êwi	Xã Ea Ning	Thông thường	2025	3,450	2,588	690	129	43	2,588		2,588	1,500	1,088	
4	Đường giao thông liên thôn từ thôn 3 đi thôn 9, xã Ea Bhók	Xã Ea Bhók	Xã Ea Ning	Thông thường	2025	3,680	2,760	736	138	46	2,760		2,760	1,500	1,260	

V	THỊ XÃ BUÔN HỒ					14,717	12,277	2,390	-	50	12,277	390	11,887	6,810	5,077	
1	Đường giao thông liên xã (Tuyến số 7, từ Buôn Dhu, xã Ea Đrông đến giáp xã Ea Siên), thị xã Buôn Hồ	Xã Ea Đrông	Xã Ea Đrông	Thông thường	2025	8,628	7,765	841		22	7,765		7,765	4,000	3,765	
2	Đường giao thông thôn 8 (đoạn từ ngã ba nhà ông Sâu đến nhà ông Tờ), xã Ea Siên, thị xã Buôn Hồ	Xã Ea Siên	Xã Ea Đrông	Thông thường	2025	4,489	3,312	1,159		18	3,312		3,312	2,000	1,312	
3	Đường giao thông thôn 8 (đoạn từ ngã ba nhà ông Sâu đến nhà ông Tờ), xã Ea Siên, thị xã Buôn Hồ (đoạn từ Km1+900 ÷ Km2+500)	Xã Ea Siên	Xã Ea Đrông	Thông thường	2025	1,600	1,200	390		10	1,200	390	810	810		
VI	HUYỆN M'ĐRẮK					5,585	5,575	-	-	10	1,386	-	1,386	1,386	-	
1	Đường giao thông từ thôn 5 đi thôn 10 xã Cư Prao, huyện M'Đrắk	Xã Cư Prao	Xã Cư Prao	Thông thường	2025	5,585	5,575	-	-	10	1,386		1,386	1,386		Lồng ghép đầu tư với 4.189 triệu đồng vốn Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững
VII	HUYỆN CƯ M'GAR					1,961	1,486	455	-	20	1,486	-	1,486	1,486	-	
1	Đường giao thông liên thôn tuyến 2 thôn 6, xã Ea Kiết (đoạn từ QL29 đến nhà ông Hương)	Xã Ea Kiết	Xã Ea Kiết	Thông thường	2025	1,961	1,486	455		20	1,486		1,486	1,486		
VIII	HUYỆN LẮK					169	164	-	-	5	164	-	164	164	-	
1	Đường giao thông Buôn Lách Rung, xã Buôn Triết (đoạn từ nhà ông Phạm Ngọc Phúc lên nghĩa địa Buôn Lách Rung)	Xã Đăk Liêng	Xã Đăk Liêng	Đặc thù	2025	169	164			5	164		164	164		
IX	HUYỆN KRÔNG BÔNG					502	497	-	-	5	497	-	497	497	-	
1	Đường giao thông nội vùng thôn 2, xã Dang Kang	Xã Dang Kang	Xã Dang Kang	Đặc thù	2025	502	497			5	497		497	497		

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

Số: 43/NQ-HĐND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Đắk Lắk, ngày 24 tháng 6 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

Hỗ trợ thôi việc đối với lực lượng Công an xã bán chuyên trách kết thúc nhiệm vụ sau khi kiện toàn lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK
KHÓA X, KỲ HỌP THỨ MƯỜI**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở ngày 28 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 42/2021/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định việc xây dựng Công an xã, thị trấn chính quy;

Xét Tờ trình số 79/TTr-UBND ngày 17 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk ban hành Nghị quyết hỗ trợ thôi việc đối với lực lượng Công an xã bán chuyên trách kết thúc nhiệm vụ sau khi kiện toàn lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk; Báo cáo thẩm tra số 53/BC-HĐND ngày 20 tháng 6 năm 2025 của Ban Pháp chế của Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Hỗ trợ thôi việc đối với Công an xã bán chuyên trách dôi dư sau khi kiện toàn lực lượng tham gia lực lượng bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở và Công an xã bán chuyên trách được tiếp tục bố trí tham gia hoạt động trong lực lượng bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở, nhưng có nguyện vọng không tiếp tục tham gia lực lượng này (trường hợp bị kỷ luật buộc thôi việc, bị truy cứu trách nhiệm hình sự thì không được hỗ trợ), cụ thể như sau:

1. Tổng số đối tượng được hỗ trợ: 84 người (*Danh sách tại phụ lục kèm theo*).

2. Tổng Kinh phí thực hiện: 841.350.000 đồng, do ngân sách tỉnh đảm bảo.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh khẩn trương bố trí kinh phí, đảm bảo chi hỗ trợ kịp thời cho các đối tượng quy định tại Điều 1 Nghị quyết này và báo cáo kết quả tại các kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Điều khoản thi hành

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk Khóa X, Kỳ họp thứ Mười thông qua ngày 24 tháng 6 năm 2025 và có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành./.

CHỦ TỊCH**Huỳnh Thị Chiến Hòa**

PHỤ LỤC**DANH SÁCH VÀ KINH PHÍ THỰC HIỆN HỖ TRỢ LỰC LƯỢNG CÔNG AN XÃ
BÁN CHUYÊN TRÁCH THỜI VIỆC SAU KHI KIẾN TOÀN LỰC LƯỢNG THAM
GIA BẢO VỆ AN NINH, TRẬT TỰ Ở CƠ SỞ***(Kèm theo Nghị quyết số 43/NQ-HĐND ngày 24/ 6 /2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh)**Đơn vị tính: Việt Nam đồng*

STT	Họ và tên	Năm sinh	Thực hiện nhiệm vụ tại thôn/buôn	Thời gian công tác	Mức hỗ trợ thời việc	Mức phụ cấp tại thời điểm công tác	Số tiền được hưởng	Ghi chú
I	Thành phố Buôn Ma Thuột						118.200.000	
1	Bùi Văn Bình	1965	Buôn Kdũn, xã Cư Êbur	12	1/3	1.800.000	7.200.000	
2	Y Len Knul	1975	Buôn Kao, xã Ea Kao	15	1/2	1.800.000	13.500.000	
3	Y Klaud Shong Niê	1992	Buôn Tong Jú, xã Cư Ea Kao	9	1/3	1.800.000	5.400.000	
4	Y Tem ADrong	1973	Buôn Ea Nao A, xã Ea Tu	13	1/3	1.800.000	7.800.000	
5	Y Hai ÊBan	1969	Buôn Kmrong Prong B, xã Ea Tu	23	1/2	1.800.000	20.700.000	
6	Nguyễn Việt Luật	1987	Thôn 6, xã Hòa Khánh	5	1/3	1.800.000	3.000.000	
7	Nguyễn Quốc Huy	1975	Thôn 19, xã Hòa Khánh	14	1/3	1.800.000	8.400.000	
8	Nguyễn Tài Dự	1960	Thôn 22, xã Hòa Khánh	22	1/2	1.800.000	19.800.000	
9	Nguyễn Hữu Định	1957	Thôn 2, xã Hòa Thắng	31	1/2	1.800.000	21.600.000	
10	Nguyễn Văn Thái	1964	Thôn 3, xã Hòa Thắng	9	1/3	1.800.000	5.400.000	
11	Nguyễn Văn Hoàng	1961	Thôn 11, xã Hòa Thắng	9	1/3	1.800.000	5.400.000	
II	Thị xã Buôn Hồ						12.600.000	
12	Luân Văn Tợ	1984	Thôn 6, xã Ea Siên	4	1/3	1.800.000	2.400.000	
13	Trần Văn Chương	1987	Thôn 9A, xã Cư Bao	10	1/3	1.800.000	6.000.000	
14	Trương Hồng Quân	1989	Thôn Bình Thành 2, xã Bình Thuận	7	1/3	1.800.000	4.200.000	
III	Huyện Ea Kar						56.400.000	
15	Trần Trường Nguyên	1982	Thôn 12, xã Cư Ni	4	1/3	1.800.000	2.400.000	
16	Y Lon Niê	1983	Thôn Đoàn Kết 1, xã Ea Tih	18	1/2	1.800.000	16.200.000	
17	Y Ber Krông	1967	Buôn M'ar, xã Cư Huê	20	1/2	1.800.000	18.000.000	
18	Nguyễn Tường Mạnh	1962	Thôn Cư Nghĩa, xã Cư Huê	22	1/2	1.800.000	19.800.000	
IV	Huyện Krông Ana						6.600.000	
19	Y Juyên Knul	1986	Buôn Hma, xã Ea Bông	11	1/3	1.800.000	6.600.000	

V	Huyện Krông Bông							78.750.000	
20	Đặng Duy Phong	1964	Thôn 1, xã Hòa Sơn	18	1/2	1.800.000	16.200.000		
21	Nguyễn Văn Hải	1964	Thôn 2, xã Hòa Sơn	16	1/2	1.800.000	14.400.000		
22	Phạm Ngọc Tuấn	1968	Thôn 8, xã Hòa Sơn	17	1/2	1.800.000	15.300.000		
23	Nguyễn Văn Nghĩa	1966	Thôn Quảng Đông, xã Hòa Sơn	21,5	1/2	1.800.000	19.350.000		
24	Vàng Văn Sinh	1979	Thôn Nao Huh, xã Cư Đrăm	15	1/2	1.800.000	13.500.000		
VI	Huyện Buôn Đôn							39.300.000	
25	Nguyễn Văn Dưong	1972	Thôn 7, xã Krông Na	20	1/2	1.800.000	18.000.000		
26	Lý Mạnh Hùng	1976	Thôn Tân Phú, xã Ea Nuôi	10	1/3	1.800.000	6.000.000		
27	Y Nguyễn Kbuôr	1974	Buôn Knia 3, xã Ea Bar	17	1/2	1.800.000	15.300.000		
VII	Huyện Krông Búk							13.200.000	
28	Y Moan Ayun	1993	Buôn Xóm A, xã Cư Pong	6	1/3	1.800.000	3.600.000		
28	Ứng Văn Đức	1974	Thôn 6, xã Ea Ngai	11	1/3	1.800.000	6.600.000		
30	Trương Phi Lai	1986	Thôn 15, thị trấn Pong Đrang	5	1/3	1.800.000	3.000.000		
VIII	Huyện Krông Năng							47.700.000	
31	Dương Minh Hà	1972	Thôn Xuân Tây, xã Phú Xuân	7,5	1/3	1.800.000	4.500.000		
32	Phạm Quang	1978	Thôn Xuân Ninh, xã Phú Xuân	12	1/3	1.800.000	7.200.000		
33	Lê Khánh Thiên	1991	Thôn Xuân An, xã Phú Xuân	7	1/3	1.800.000	4.200.000		
34	Bé Ích Hoan	1973	Thôn Lộc Bằng, xã Phú Lộc	4	1/3	1.800.000	2.400.000		
35	Hà Văn Giang	1993	Thôn Đoàn Kết, xã Ea Tân	5	1/3	1.800.000	3.000.000		
36	Nông Văn Thượng	1972	Thôn Tân Hợp, xã Cư Klông	20	1/2	1.800.000	18.000.000		
37	Tô Quang Tài	1979	Thôn Tam Hà, xã Cư Klông	14	1/3	1.800.000	7.200.000		
IX	Huyện M'Đrăk							-	
X	Huyện Lắk							7.200.000	
38	Y Liêm Du	1984	Buôn Năm	12	1/3	1.800.000	7.200.000		
XI	Huyện Ea H'leo							116.100.000	
39	Nguyễn Tấn Sỹ	1979	Thôn 4, xã Ea H'leo	10	1/3	1.800.000	6.000.000		
40	Tôn Thất Nhật Tiến	1988	Thôn 11, xã Ea Wy	5	1/3	1.800.000	3.000.000		
41	Đặng Văn Tóc	1980	Thôn 4, xã Dliê Yang	15	1/2	1.800.000	13.500.000		
42	Nguyễn Tiến Luân	1974	Thôn 5, xã Dliê Yang	15	1/2	1.800.000	13.500.000		

43	A Drong Y Sút	1989	Buôn Rài, xã Dliê Yang	6	1/3	1.800.000	3.600.000		
44	Phạm Ngọc Triu	1977	Thôn 11, xã Ea Hiao	17	1/2	1.800.000	13.500.000		
45	Vũ Hồng Thiện	1967	Thôn 4B, xã Ea Hiao	20	1/2	1.800.000	18.000.000		
46	Trần Văn Quyết	1960	TDP 6, thị trấn Ea Drăng	8	1/3	1.800.000	4.800.000		
47	Nguyễn Đức Neuvên	1992	TDP 8, thị trấn Ea Drăng	3	1/3	1.800.000	1.800.000		
48	Bùi Phương Nam	1993	TDP 8, thị trấn Ea Drăng	3	1/3	1.800.000	1.800.000		
49	Lê Đức Dũng	1967	TDP 12, thị trấn Ea Drăng	3	1/3	1.800.000	1.800.000		
50	Hà Thanh Mai	1955	TDP 14, thị trấn Ea Drăng	5	1/3	1.800.000	3.000.000		
51	Y Tùng Niê	1994	Buôn Bléch, thị trấn Ea Drăng	4	1/3	1.800.000	2.400.000		
52	Nguyễn Duy Chính	1955	TDP 5, thị trấn Ea Drăng	24	1/2	1.800.000	21.600.000		
53	Y Sút Siu	1982	Buôn Lê Đá, thị trấn Ea Drăng	6	1/3	1.800.000	3.600.000		
54	Lê Đức Dương	1986	Buôn Lê B, thị trấn Ea Drăng	4	1/3	1.800.000	2.400.000		
XII	Huyện Cư M'gar							48.300.000	
55	Cù Đức Anh	1964	Thôn 9, xã Ea Kiết	15	1/2	1.800.000	13.500.000		
56	Vũ Hồng Hà	1962	Thôn 3, xã Ea Mnang	20	1/2	1.800.000	18.000.000		
57	Nguyễn Đình Thắng	1989	Thôn Tiến Đạt, xã Quảng Tiến	6	1/3	1.800.000	3.600.000		
58	Đình Xuân Thuận	1981	Thôn 1, xã Ea H'đing	13	1/3	1.800.000	7.200.000		
59	Nguyễn Văn Thảo	1976	Buôn Tar, xã Ea H'đing	9	1/3	1.800.000	5.400.000		
XIII	Huyện Cư Kuin							54.000.000	
60	Nguyễn Đình Vĩnh	1960	Thôn 6, xã Ea Ktur	16	1/2	1.800.000	14.400.000		
61	Sầm Đức Dược	1970	Thôn 4, xã Cư Ewi	20	1/2	1.800.000	18.000.000		
62	Y Mlăng Adrong	1962	Buôn Tắc M'nga, xã Cư Ewi	18	1/2	1.800.000	16.200.000		
63	Nguyễn Minh Sờ	1992	Thôn 1, xã Ea Hu	9	1/3	1.800.000	5.400.000		
XIV	Huyện Krông Pắc							243.000.000	
64	Phung	1975	Buôn Kon Hring, xã Ea Yiêng	17	1/2	1.800.000	15.300.000		
65	A Rang	1969	Buôn Kon Wang, xã Ea Yiêng	20	1/2	1.800.000	18.000.000		
66	Hril	1952	Buôn Ea Mao, xã Ea Yiêng	22	1/2	1.800.000	19.800.000		
67	Y Em Kbuôr	1963	Buôn Mbê, xã Krông Buk	14	1/3	1.800.000	8.400.000		
68	Vũ Đình Viu	1958	Thôn 16, xã Hòa Đông	12	1/3	1.800.000	7.200.000		
69	Võ Quang Hùng	1960	Thôn 17, xã Hòa Đông	15	1/2	1.800.000	13.500.000		
70	Đào Quang Chiến	1965	Thôn 19/5, xã Hòa Đông	16	1/2	1.800.000	14.400.000		

71	Y Siêu Niê	1957	Buôn Tara, xã Hòa Đông	10	1/3	1.800.000	6.000.000		
72	Doãn Đình Quyền	1966	Thôn Phước Thọ 4, xã Ea Phê	18	1/2	1.800.000	16.200.000		
73	Triệu Hồng Việt	1983	Thôn Phước Thọ 5, xã Ea Phê	11	1/3	1.800.000	6.600.000		
74	Phạm Duy Trang	1976	Thôn Phước Lộc 3, xã Ea Phê	11	1/3	1.800.000	6.600.000		
75	Lê Văn Hiếu	1971	Thôn 4B, xã Ea Phê	11	1/3	1.800.000	6.600.000		
76	Y Jút Êban	1964	Buôn Phê, xã Ea Phê	16	1/2	1.800.000	14.400.000		
77	Bùi Văn Thức	1987	Xã Ea Kly	9	1/3	1.800.000	5.400.000		
78	Huỳnh Bá Ân	1960	Thôn 1, xã Ea Kly	21	1/2	1.800.000	18.900.000		
79	Nguyễn Chí Tráng	1962	Thôn 9, xã Ea Kly	14	1/3	1.800.000	8.400.000		
80	Lê Xuân Vụng	1960	Thôn 18, xã Ea Kly	24	1/2	1.800.000	21.600.000		
81	Vũ Văn Vĩnh	1977	Thôn 12A, xã Ea Kly	21	1/2	1.800.000	18.900.000		
82	Phan Thế Ky	1986	Thôn 13A, xã Ea Kly	9	1/3	1.800.000	5.400.000		
83	Nguyễn Đức Nguyên	1988	Thôn 8A, xã Ea Kly	9	1/3	1.800.000	5.400.000		
84	Hoàng Thái Sơn	1964	Thôn 8, xã Ea Kly	10	1/3	1.800.000	6.000.000		
	Tổng cộng						841.350.000		

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 44/NQ-HĐND

Đắk Lắk, ngày 24 tháng 6 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

**Về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn đầu tư phát triển
nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 5 năm (2021-2025) thực hiện
Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK
KHÓA X, KỲ HỌP THỨ MƯỜI**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị quyết số 111/2024/QH15 ngày 18 tháng 01 năm 2024 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc thù thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia; Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia;

Thực hiện Công văn số 5817/BKHĐT-TCTT ngày 23 tháng 7 năm 2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc trả lời kiến nghị của địa phương về tổ chức thực hiện Nghị quyết số 111/2024/QH15 của Quốc hội;

Thực hiện Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 24 tháng 8 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về chỉ tiêu, kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 5 năm (2021-2025) thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk;

Thực hiện Nghị quyết số 35/NQ-HĐND ngày 14 tháng 11 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc cập nhật danh mục dự án đầu tư từ nguồn

ngân sách nhà nước giai đoạn 05 năm (2021-2025) thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững;

Xét Tờ trình số 49/TTr-UBND ngày 16 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk về việc đề nghị điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 5 năm (2021-2025) thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk; Báo cáo thẩm tra số 78/BC-HĐND ngày 23 tháng 6 năm 2025 của Ban Kinh tế - Ngân sách của Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất dừng thực hiện dự án Đầu tư cơ sở hạ tầng, trang thiết bị công nghệ thông tin để hiện đại hoá hệ thống thông tin thị trường lao động, hình thành sản phẩm dịch vụ làm trực tuyến và xây dựng cơ sở dữ liệu; xây dựng cơ sở dữ liệu việc tìm người - người tìm việc thuộc Tiểu dự án 3 - Hỗ trợ việc làm bền vững, Dự án 4 - Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua tại Mục B, Phụ lục II kèm theo Nghị quyết số 35/NQ-HĐND ngày 14 tháng 11 năm 2023 với số vốn là 25.000 triệu đồng (ngân sách trung ương là 21.000 triệu đồng; ngân sách tỉnh là 4.000 triệu đồng).

Điều 2. Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 05 năm (2021 - 2025) đã phân bổ để thực hiện dự án Đầu tư cơ sở hạ tầng, trang thiết bị công nghệ thông tin để hiện đại hoá hệ thống thông tin thị trường lao động, hình thành sản phẩm dịch vụ làm trực tuyến và xây dựng cơ sở dữ liệu; xây dựng cơ sở dữ liệu việc tìm người - người tìm việc thuộc Tiểu dự án 3 - Hỗ trợ việc làm bền vững, Dự án 4 - Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững của Chương trình tại Mục B, Phụ lục II kèm theo Nghị quyết số 35/NQ-HĐND, để điều chỉnh tăng kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 05 năm (2021 - 2025) thực hiện 02 dự án đầu tư thuộc Tiểu dự án 1 - Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo, các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo, Dự án 1 - Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo, các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo của Chương trình, với tổng số vốn là 25.000 triệu đồng (ngân sách trung ương là 21.000 triệu đồng; ngân sách tỉnh là 4.000 triệu đồng).

(Chi tiết tại Phụ lục I, II kèm theo)

Các nội dung không điều chỉnh tại Nghị quyết này thì tiếp tục thực hiện theo Nghị quyết số 35/NQ-HĐND ngày 14 tháng 11 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết, báo cáo kết quả thực hiện tại các kỳ họp của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của từng số liệu, số vốn, nội dung; đảm bảo đúng quy định pháp luật về Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách Nhà nước, Nghị quyết của Quốc hội và các quy định pháp luật khác liên quan; đúng nguyên tắc phân bổ vốn tại Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk khoá X, Kỳ họp thứ Mười thông qua ngày 24 tháng 6 năm 2025 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày thông qua./.

CHỦ TỊCH

Huỳnh Thị Chiến Hòa

Phụ lục I

**ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 5 NĂM (2021 - 2025)
THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG CHI TIẾT ĐẾN DỰ ÁN THÀNH PHẦN**

(Kèm theo Nghị quyết số: 44/NQ-HĐND ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung/Địa bàn/Tiêu dự án/Dự án thành phần	Kế hoạch vốn ĐTPT nguồn NSTW và NST giai đoạn			Điều chỉnh kế hoạch vốn ĐTPT nguồn NSTW và NST giai đoạn 2021-2025						Kế hoạch vốn ĐTPT nguồn NSTW và NST giai đoạn			Ghi chú
		Tổng số	Trong đó:		Điều chỉnh giảm			Điều chỉnh tăng			Tổng số	Trong đó:		
			NSTW	NST	Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó			NSTW	NST	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
	TỔNG CỘNG	666,404	606,404	60,000	25,000	21,000	4,000	25,000	21,000	4,000	666,404	606,404	60,000	
I	DỰ ÁN 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo, các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo	541,404	491,404	50,000	-	-	-	25,000	21,000	4,000	566,404	512,404	54,000	
1	Tiểu dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo, các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo	440,717	396,717	44,000	-	-	-	25,000	21,000	4,000	465,717	417,717	48,000	
1.1	Huyện Ea Súp, trong đó:	219,217	196,717	22,500	-	-	-	25,000	21,000	4,000	244,217	217,717	26,500	
a	Danh mục dự án đã giao chi tiết tại Nghị quyết số 35/NQ-HĐND ngày 14/11/2023	219,217	196,717	22,500	-	-	-	-	-	-	219,217	196,717	22,500	Không điều chỉnh
b	Danh mục dự án điều chỉnh, bổ sung	-	-	-	-	-	-	25,000	21,000	4,000	25,000	21,000	4,000	Chi tiết tại PL II
1.2	Huyện M'Drắk	221,500	200,000	21,500	-	-	-	-	-	-	221,500	200,000	21,500	

2	Tiểu dự án 2: Triển khai Đề án hỗ trợ một số huyện nghèo thoát khỏi tình trạng nghèo, đặc biệt khó khăn giai đoạn 2022-2025 do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt	100,687	94,687	6,000	-	-	-	-	-	-	100,687	94,687	6,000	Không điều chỉnh
II	DỰ ÁN 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững	125,000	115,000	10,000	25,000	21,000	4,000	-	-	-	100,000	94,000	6,000	
1	Tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn	100,000	94,000	6,000	-	-	-	-	-	-	100,000	94,000	6,000	Không điều chỉnh
2	Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững	25,000	21,000	4,000	25,000	21,000	4,000	-	-	-	-	-	-	
2.1	Đầu tư cơ sở hạ tầng, trang thiết bị công nghệ thông tin để hiện đại hoá hệ thống thông tin thị trường lao động, hình thành sản giao dịch việc làm trực tuyến và xây dựng cơ sở dữ liệu; xây dựng cơ sở dữ liệu việc tìm người-người tìm việc	25,000	21,000	4,000	25,000	21,000	4,000	-	-	-	-	-	-	

Phụ lục II

**BỔ SUNG DANH MỤC DỰ ÁN ĐẦU TƯ THUỘC TIỂU DỰ ÁN 1 DỰ ÁN 1 CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA
GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG GIAI ĐOẠN 2021-2025 TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN EA SÚP**

(Kèm theo Nghị quyết số: 44/NQ-HĐND ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Tên dự án	Địa điểm xây dựng theo văn bản thông báo danh mục, mức vốn	Địa điểm xây dựng theo đơn vị hành chính cấp xã sau sắp xếp	Thời gian KC-HT	Quy mô đầu tư	Tổng mức đầu tư dự kiến				Kế hoạch vốn ĐTPT nguồn NSTW và NST giai đoạn 2021-2025				Ghi chú
						Tổng tất cả nguồn vốn	Ngân sách nhà nước			Nguồn huy động (nếu có)	Tổng số	Trong đó:		
							NSTW	NST	NSH			NSTW	NST	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
	TỔNG CỘNG					25,000	21,000	4,000	-	-	25,000	21,000	4,000	
I	DỰ ÁN 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo, các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo					25,000	21,000	4,000	-	-	25,000	21,000	4,000	
1	Tiểu dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo, các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo					25,000	21,000	4,000	-	-	25,000	21,000	4,000	
1.1	Huyện Ea Súp					25,000	21,000	4,000	-	-	25,000	21,000	4,000	
1.1.1	Đường giao thông liên xã Ea Rók đi xã Cư Kbang đầu nối vào đường Tỉnh lộ 697B đến trung tâm cụm xã Ea Rók	xã Ea Rók	Xã Ea Rók	2025	Đường giao thông nông thôn loại A, kết cấu mặt đường BTXM, tổng chiều dài khoảng L=2,204 km.	10,000	8,500	1,500	-	-	10,000	8,500	1,500	

1.1. 2	Đường giao thông từ xã Ea Lê đi thị trấn Ea Súp (đoạn từ cầu Việt Nhật đi hồ Ea Súp thượng)	xã Ea Lê và thị trấn Ea Súp	Xã Ea Súp	2025	Đường giao thông cấp V miền núi, kết cấu mặt đường BTXM, tổng chiều dài khoảng L=3,5 km.	15,000	12,500	2,500	-	-	15,000	12,500	2,500	
-----------	---	-----------------------------	-----------	------	--	--------	--------	-------	---	---	--------	--------	-------	--

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 45/NQ-HĐND

Đắk Lắk, ngày 24 tháng 6 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

Về việc điều chỉnh và phân bổ chi tiết kế hoạch vốn đầu tư phát triển từ phần phân bổ sau nguồn ngân sách trung ương và ngân sách tỉnh thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững, năm 2025

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK
KHÓA X, KỶ HỌP THỨ MƯỜI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia; Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Thực hiện Nghị quyết số 57/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển từ nguồn ngân sách trung ương và ngân sách tỉnh thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2025;

Thực hiện Nghị quyết số 44/NQ-HĐND ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 5 năm (2021 - 2025) thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững;

Xét Tờ trình số 76/TTr-UBND, ngày 17 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư phát triển từ nguồn ngân sách trung ương và ngân sách tỉnh thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia

giảm nghèo bền vững năm 2025; Tờ trình số 89/TTr-UBND ngày 20 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc trình dự thảo Nghị quyết điều chỉnh và phân bổ chi tiết kế hoạch vốn đầu tư phát triển từ phần phân bổ sau nguồn ngân sách trung ương và ngân sách tỉnh thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững, năm 2025; Báo cáo thẩm tra số 81/BC-HĐND ngày 23 tháng 6 năm 2025 của Ban Kinh tế - Ngân sách của Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất điều chỉnh và phân bổ chi tiết kế hoạch vốn đầu tư phát triển từ phần phân bổ sau nguồn ngân sách trung ương và ngân sách tỉnh thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững, năm 2025. Cụ thể như sau:

1. Điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư phát triển từ nguồn ngân sách trung ương và ngân sách tỉnh năm 2025 cụ thể như sau:

a) Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn đã giao để thực hiện dự án đầu tư thuộc Tiểu dự án 3 Dự án 4 (tại số thứ tự 2, Tiểu mục II, Mục A, Phụ lục kèm theo Nghị quyết số 57/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh) để điều chỉnh tăng kế hoạch vốn thực hiện khởi công mới 02 Dự án thuộc Tiểu dự án 1, Dự án 1, với số vốn là 25.000 triệu đồng (ngân sách trung ương: 21.000 triệu đồng; ngân sách tỉnh: 4.000 triệu đồng).

(Chi tiết tại Phụ lục I kèm theo)

b) Điều chỉnh giảm phần vốn dư sau quyết toán của 01 dự án thuộc Tiểu dự án 1 Dự án 1 (tại số thứ tự b7, Tiểu mục I, Mục A, Phụ lục kèm theo Nghị quyết số 57/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh), với số vốn là 1.421 triệu đồng (ngân sách trung ương).

2. Phân bổ chi tiết 2.768 triệu đồng (ngân sách trung ương 1.727 triệu đồng; ngân sách tỉnh 1.041 triệu đồng) để lại phân bổ sau tại Nghị quyết số 57/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh để cùng với phần vốn điều chỉnh 1.421 triệu đồng tại điểm b khoản 1 Điều này thực hiện đầu tư khởi công mới 01 dự án thuộc Tiểu dự án 1 Dự án 1.

(Chi tiết tại Phụ lục II kèm theo)

Các nội dung không điều chỉnh tại Nghị quyết này thì tiếp tục thực hiện theo Nghị quyết số 57/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết, báo

cáo kết quả thực hiện tại các kỳ họp của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của từng số liệu, số vốn, nội dung; đảm bảo đúng quy định pháp luật về Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách Nhà nước, Nghị quyết của Quốc hội và các quy định pháp luật khác liên quan; đúng nguyên tắc phân bổ vốn tại Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk khoá X, Kỳ họp thứ Mười thông qua ngày 24 tháng 6 năm 2025 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày thông qua./.

CHỦ TỊCH

Huỳnh Thị Chiến Hòa

Phụ lục I

**ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN TỪ NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG VÀ NGÂN SÁCH TỈNH
GIAO THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ THUỘC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG NĂM 2025**

(Kèm theo Nghị quyết số 45/NQ-HĐND ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Tên dự án	Địa điểm xây dựng theo văn bản thông báo danh mục, mức vốn	Địa điểm xây dựng theo đơn vị hành chính cấp xã sau sắp xếp	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư					Kế hoạch vốn năm 2025			Điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2025						Kế hoạch vốn năm 2025 sau điều chỉnh, bổ sung			Ghi chú
					Tổng mức đầu tư					Điều chỉnh giảm			Điều chỉnh tăng/Giao bổ sung kế hoạch			sau điều chỉnh, bổ sung						
					Tổng tất cả nguồn vốn	Ngân sách nhà nước			Nguồn huy động (nếu có)	Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:		
						NSTW	NST	NSH			NSTW	NST		Tổng số	NSTW		NST	Tổng số		NSTW	NST	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)
	TỔNG CỘNG				50,000	42,000	8,000	-	-	25,000	21,000	4,000	25,000	21,000	4,000	25,000	21,000	4,000	25,000	21,000	4,000	
I	DỰ ÁN 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững				25,000	21,000	4,000	-	-	25,000	21,000	4,000	25,000	21,000	4,000	-	-	-	-	-	-	
1	Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững				25,000	21,000	4,000	-	-	25,000	21,000	4,000	25,000	21,000	4,000	-	-	-	-	-	-	
1.1	Đầu tư cơ sở hạ tầng, trang thiết bị công nghệ thông tin để hiện đại hoá hệ thống thông tin thị trường lao động, hình thành sản phẩm dịch vụ việc làm trực tuyến và xây dựng cơ sở dữ liệu; xây dựng cơ sở dữ liệu việc tìm người- người tìm	Tại các đơn vị trực thuộc Sở LĐTBXH; các huyện, thị xã, thành phố		2024-2025	25,000	21,000	4,000	-	-	25,000	21,000	4,000	25,000	21,000	4,000	-	-	-	-	-	-	
II	DỰ ÁN 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo, các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo				25,000	21,000	4,000	-	-	-	-	-	-	-	-	25,000	21,000	4,000	25,000	21,000	4,000	
1	Tiểu dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo, các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển				25,000	21,000	4,000	-	-	-	-	-	-	-	-	25,000	21,000	4,000	25,000	21,000	4,000	
1.1	Huyện Ea Súp				25,000	21,000	4,000	-	-	-	-	-	-	-	-	25,000	21,000	4,000	25,000	21,000	4,000	
1.1.1	Đường giao thông liên xã Ea Rôk đi xã Cư Kbang đầu nối vào đường Tỉnh lộ 697B đến trung tâm cụm xã Ea Rôk	Xã Ea Rôk	Xã Ea Rôk	2025	10,000	8,500	1,500	-	-	-	-	-	-	-	-	10,000	8,500	1,500	10,000	8,500	1,500	

Phụ lục II
ĐIỀU CHỈNH VÀ PHÂN BỐ CHI TIẾT KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGUỒN VỐN NSTW VÀ NST THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG GIẢM
NGHÈO BÈN VÙNG, NĂM 2025

(Kèm theo Nghị quyết số 45/NQ-HĐND ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư					Kế hoạch vốn ĐTPT nguồn NSTW và NST giai đoạn 2021-2025	Kế hoạch năm 2025					Điều chỉnh (nguồn NSTW)		Phân bổ chi tiết phần vốn phân bổ sau			Kế hoạch năm 2025 sau điều chỉnh và phân bổ chi tiết			Ghi chú
				Số Quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư			Tổng tất cả các nguồn vốn		Trong đó:		Tổng tất cả các nguồn vốn	Trong đó:		Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng	Tổng tất cả các nguồn vốn	Trong đó:		Tổng tất cả các nguồn vốn	Trong đó:		
					NSTW	NST	NS cấp huyện và cấp xã			NSTW	NST		NSTW	NST (Nguồn XSKT)				NST W	NST (Nguồn XSKT)		NSTW	NST (Nguồn XSKT)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)	(24)
TỔNG CỘNG					41,585	38,075	3,500	-	40,189	35,648	4,541	7,200	7,200	-	1,421	1,421	2,768	1,727	1,041	9,968	8,927	1,041	
I	Dự án 1 : Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo, các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo				41,585	38,075	3,500	-	40,189	35,648	4,541	7,200	7,200	-	1,421	1,421	2,768	1,727	1,041	9,968	8,927	1,041	
1	Tiểu dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo				41,585	38,075	3,500	-	40,189	35,648	4,541	7,200	7,200	-	1,421	1,421	2,768	1,727	1,041	9,968	8,927	1,041	
1.1	Huyện M'Drắk				41,585	38,075	3,500	-	40,189	35,648	4,541	7,200	7,200	-	1,421	1,421	2,768	1,727	1,041	9,968	8,927	1,041	-
a	Cầu và đường hai đầu cầu thuộc tuyến đường liên xã Ea Pil đi xã Cư Prao (Tại thôn 3 xã Ea Pil), huyện M'Drắk	Xã Ea Pil - xã Cư Prao	2023-2025	5829/QĐ-UBND ngày 26/12/2022 của UBND huyện	36,000	32,500	3,500	-	36,000	32,500	3,500	7,200	7,200	-	1,421		-	-	-	5,779	5,779	-	Dư vốn sau QT
b	Đường giao thông từ thôn 5 đi thôn 10 xã Cư Prao, huyện M'Drắk	Xã Cư Prao (theo Nghị quyết số 1660/NQ-UBTVQH15)	2025		5,585	5,575	-		4,189	3,148	1,041	-	-	-	1,421		2,768	1,727	1,041	4,189	3,148	1,041	MM (lồng ghép với dự án đầu tư từ phần dư sau QT chương trình nông thôn mới)

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

Số: 46/NQ-HĐND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Đắk Lắk, ngày 24 tháng 6 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

Về việc phân bổ chi tiết kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách trung ương và ngân sách tỉnh thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, năm 2025

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK KHÓA X, KỲ HỌP THỨ MƯỜI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia; Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 1148/QĐ-TTg ngày 13 tháng 6 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao bổ sung dự toán chi đầu tư phát triển, kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách địa phương năm 2025 cho các địa phương thực hiện 03 Chương trình mục tiêu quốc gia (đợt 2);

Thực hiện Nghị quyết số 56/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển từ nguồn ngân sách Trung ương và ngân sách tỉnh thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, năm 2025;

Xét Tờ trình số 86/TTr-UBND ngày 20 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk về việc trình Dự thảo Nghị quyết về việc phân bổ chi tiết kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách trung ương và ngân sách tỉnh thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, năm 2025; Báo cáo thẩm tra số 80/BC-HĐND, ngày 23 tháng 6 năm 2025 của Ban Kinh tế - Ngân sách của Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất phân bổ chi tiết kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách trung ương và ngân sách tỉnh thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, năm 2025 với số vốn 216.939 triệu đồng (*trong đó: ngân sách trung ương là 188.939 triệu đồng; ngân sách tỉnh là 28.000 triệu đồng*) cụ thể như sau:

1. Phân bổ chi tiết 128.324 triệu đồng (*ngân sách trung ương là 109.560 triệu đồng; ngân sách tỉnh là 18.764 triệu đồng*) cho 12 dự án đầu tư thuộc Dự án thành phần 2.

2. Chưa phân bổ 88.615 triệu đồng (*ngân sách trung ương là 79.379 triệu đồng; ngân sách tỉnh là 9.236 triệu đồng*).

(Chi tiết tại Phụ lục kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết, báo cáo kết quả thực hiện tại các kỳ họp của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của từng số liệu, số vốn, nội dung; đảm bảo đúng quy định pháp luật về Luật đầu tư công, Luật ngân sách nhà nước, Nghị quyết của Quốc hội và các quy định pháp luật khác liên quan; đúng nguyên tắc phân bổ vốn tại Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk khoá X, Kỳ họp thứ Mười thông qua ngày 24 tháng 6 năm 2025 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày thông qua./.

CHỦ TỊCH**Huỳnh Thị Chiến Hòa**

Phụ lục
PHÂN BỐ CHI TIẾT KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN TỪ NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG VÀ NGÂN SÁCH TỈNH
THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI, NĂM 2025
(Kèm theo Nghị quyết số 46/NQ-HĐND ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Tên dự án	Địa điểm xây dựng	Chủ đầu tư theo quyết định phê duyệt dự án	Chủ đầu tư nhận bàn giao khi sắp xếp các đơn vị sự nghiệp thuộc UBND cấp huyện theo Công văn số 5391/UBND-CNXD ngày 26/5/2025 của UBND tỉnh	Mã số dự án đầu tư	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư dự án					Kế hoạch giai đoạn 2021 - 2025 nguồn NSTW và NST			Lấy kế vốn đã bố trí			Kế hoạch 2025 từ phần NSTW giao bổ sung (đợt 2) và vốn phân bổ sau nguồn NST			Ghi chú																				
							Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư				Trong đó:			Trong đó:			Trong đó:																							
								Tổng tất cả các nguồn vốn	NSTW	NST	NSH	Tổng tất cả các nguồn vốn	NSTW	NST	Tổng tất cả các nguồn vốn	NSTW	NST (nguồn thu tiền SDD)	Tổng tất cả các nguồn vốn	NSTW	NST (nguồn thu tiền SDD)																					
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)																				
TỔNG CỘNG																						216,939	188,939	28,000																	
A	PHÂN BỐ CHI TIẾT CHO CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ THUỘC DỰ ÁN THÀNH PHẦN 2 (QUY HOẠCH, SẮP XẾP, BỐ TRÍ, ỒN ĐỊNH DÂN CƯ Ở NHỮNG NƠI CẦN THIẾT)							642,000	607,000	30,000	5,000	637,000	607,000	30,000	507,496	496,620	10,876	128,324	109,560	18,764																					
I Huyện Krông Bông																						25,200	25,200	-	-	25,200	25,200	-	-	25,200	25,200	-	24,800	24,800	-	-	-	-	-	-	
1	Dự án Ổn định, sắp xếp dân cư tại chỗ cho đồng bào dân tộc thiểu số buôn Mghí, xã Yang Mao, huyện Krông Bông	Buôn Mghí, xã Yang Mao, huyện Krông Bông	Ban QLDA ĐTXD huyện Krông Bông	Ban QLDA ĐTXD công trình GT&NNPTNT tỉnh	8042505	2023-2025	1823/QĐ-UBND ngày 10/5/2023	25,200	25,200	-	-	25,200	25,200	-	24,800	24,800	-	-	-	-	HT, không còn nhu cầu bổ sung phân vốn còn thiếu so với TMDT.																				
II Huyện Ea Súp																						33,300	33,300	-	-	33,300	33,300	-	-	33,300	33,300	-	32,880	32,880	-	-	-	-	-	-	
1	Dự án Ổn định dân cư tại thôn 19, 20, xã Ea Rôk, huyện Ea Súp	Xã Ea Rôk, huyện Ea Súp	Ban QLDA ĐTXD huyện Ea Súp	Ban QLDA ĐTXD công trình GT&NNPTNT tỉnh	8031353	2023-2025	1653/QĐ-UBND ngày 28/4/2023	33,300	33,300	-	-	33,300	33,300	-	32,880	32,880	-	-	-	-	HT, không còn nhu cầu bổ sung phân vốn còn thiếu so với TMDT.																				
III Huyện Ea H'leo																						124,000	118,000	6,000	-	124,000	118,000	6,000	-	124,000	118,000	6,000	110,420	106,420	4,000	13,580	11,580	2,000			
1	Dự án Sắp xếp ổn định dân cư vùng đặc biệt khó khăn tại xã Cư Amung, huyện Ea H'leo	Xã Cư Amung, huyện Ea H'leo	Ban QLDA ĐTXD huyện Ea H'leo	Ban QLDA ĐTXD công trình GT&NNPTNT tỉnh	8053796	2023-2025	1889/QĐ-UBND ngày 28/9/2023	63,000	60,000	3,000	-	63,000	60,000	3,000	56,100	54,100	2,000	6,900	5,900	1,000	CT																				
2	Dự án Sắp xếp, ổn định dân cư vùng đặc biệt khó khăn tại xã Ea Tір, huyện Ea H'leo	Xã Ea Tір, huyện Ea H'leo	Ban QLDA ĐTXD huyện Ea H'leo	Ban QLDA ĐTXD công trình GT&NNPTNT tỉnh	8049837	2023-2025	1522/QĐ-UBND ngày 11/8/2023	61,000	58,000	3,000	-	61,000	58,000	3,000	54,320	52,320	2,000	6,680	5,680	1,000	CT																				
IV Huyện Krông Búk																						72,200	68,000	4,200	-	72,200	68,000	4,200	-	72,200	68,000	4,200	70,876	68,000	2,876	1,324	-	1,324			
1	Dự án Ổn định dân cư vùng đặc biệt khó khăn xã Ea Sin, huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk	Xã Ea Sin, huyện Krông Búk	Ban QLDA ĐTXD huyện Krông Búk	Ban QLDA ĐTXD công trình GT&NNPTNT tỉnh	8050591	2023-2025	1852/QĐ-UBND ngày 25/9/2023	72,200	68,000	4,200	-	72,200	68,000	4,200	70,876	68,000	2,876	1,324	-	1,324	CT																				
V Huyện Krông Năng																						58,000	55,000	3,000	-	58,000	55,000	3,000	-	58,000	55,000	3,000	57,000	55,000	2,000	640	-	640			
1	Dự án Ổn định dân cư vùng đặc biệt khó khăn tại 3 buôn: Buôn Mrum, buôn A lè, buôn Mngoan, xã Ea Hồ, huyện Krông Năng	Xã Ea Hồ, huyện Krông Năng	Ban QLDA ĐTXD huyện Krông Năng	Ban QLDA ĐTXD công trình GT&NNPTNT tỉnh	8029556	2023-2025	1394/QĐ-UBND ngày 08/5/2023	30,000	28,400	1,600	-	30,000	28,400	1,600	29,400	28,400	1,000	240	-	240	QT																				
2	Dự án Ổn định dân cư vùng đặc biệt khó khăn thôn Tam Hốp, xã Cư Klông, huyện Krông Năng	Xã Cư Klông, huyện Krông Năng	Ban QLDA ĐTXD huyện Krông Năng	Ban QLDA ĐTXD công trình GT&NNPTNT tỉnh	8029557	2023-2025	1395/QĐ-UBND ngày 08/5/2023	28,000	26,600	1,400	-	28,000	26,600	1,400	27,600	26,600	1,000	400	-	400	HT																				

VI	Huyện Lắk							219,400	207,600	11,800	-	219,400	207,600	11,800	144,305	144,305	-	75,095	63,295	11,800	
1	Dự án Sắp xếp, ổn định dân cư vùng đặc biệt khó khăn xã an toàn khu (ATK) Krông Nô, huyện Lắk	Xã Krông Nô, huyện Lắk	Ban QLDA ĐTXD huyện Lắk	Ban QLDA ĐTXD công trình GT&NNPTNT tỉnh	8074854	2023-2025	2742/QĐ-UBND ngày 22/12/2023	64,363	61,863	2,500	-	64,363	61,863	2,500	42,350	42,350	-	22,013	19,513	2,500	CT
2	Dự án Sắp xếp, ổn định dân cư vùng đặc biệt khó khăn xã an toàn khu (ATK) Đăk Phoi, huyện Lắk	Xã Đăk Phoi, huyện Lắk	Ban QLDA ĐTXD huyện Lắk	Ban QLDA ĐTXD công trình GT&NNPTNT tỉnh	8074853	2023-2025	2743/QĐ-UBND ngày 22/12/2023	50,815	47,765	3,050	-	50,815	47,765	3,050	33,374	33,374	-	17,441	14,391	3,050	CT
3	Dự án Sắp xếp, ổn định dân cư vùng đặc biệt khó khăn xã an toàn khu (ATK) Bông Krang, huyện Lắk	Xã Bông Krang, huyện Lắk	Ban QLDA ĐTXD huyện Lắk	Ban QLDA ĐTXD công trình GT&NNPTNT tỉnh	8074852	2023-2025	2744/QĐ-UBND ngày 22/12/2023	50,486	47,436	3,050	-	50,486	47,436	3,050	33,350	33,350	-	17,136	14,086	3,050	CT
4	Dự án Sắp xếp, ổn định dân cư vùng đặc biệt khó khăn tại xã Đăk Liêng, huyện Lắk	Xã Đăk Liêng, huyện Lắk	Ban QLDA ĐTXD huyện Lắk	Ban QLDA ĐTXD công trình GT&NNPTNT tỉnh	8074851	2023-2025	2745/QĐ-UBND ngày 22/12/2023	53,736	50,536	3,200	-	53,736	50,536	3,200	35,231	35,231	-	18,505	15,305	3,200	CT
VII	Huyện Krông Pắc							80,775	71,775	4,000	5,000	75,775	71,775	4,000	50,616	48,616	2,000	25,159	23,159	2,000	
1	Ổn định dân cư vùng đặc biệt khó khăn xã Ea Yiêng, huyện Krông Pắc	Buôn Ea Mao, Kon Hring, Kon Tay, Cư Drang, xã Ea Yiêng	Ban QLDA ĐTXD huyện Krông Pắc	Ban QLDA ĐTXD công trình GT&NNPTNT tỉnh	8067431	2024-2025	6259/QĐ-UBND ngày 24/11/2023	46,630	39,630	2,000	5,000	41,630	39,630	2,000	27,916	26,916	1,000	13,714	12,714	1,000	CT
2	Ổn định dân cư vùng đặc biệt khó khăn tại xã Ea Hiu, huyện Krông Pắc	Xã Ea Hiu	Ban QLDA ĐTXD huyện Krông Pắc	Ban QLDA ĐTXD công trình GT&NNPTNT tỉnh	8067432	2024-2025	6536/QĐ-UBND ngày 14/12/2023	34,145	32,145	2,000	-	34,145	32,145	2,000	22,700	21,700	1,000	11,445	10,445	1,000	CT
VIII	Huyện Buôn Đôn							29,125	28,125	1,000	-	29,125	28,125	1,000	16,599	16,599	-	12,526	11,526	1,000	
1	Sắp xếp, bố trí, ổn định tái định cư buôn Nréch, xã Ea Huar, huyện Buôn Đôn (Giai đoạn I)	Buôn Nréch, xã Ea Huar, huyện Buôn Đôn	Ban QLDA ĐTXD huyện Buôn Đôn	Ban QLDA ĐTXD công trình GT&NNPTNT tỉnh	8139227	2025	654/QĐ-UBND ngày 21/02/2025	29,125	28,125	1,000	-	29,125	28,125	1,000	16,599	16,599	-	12,526	11,526	1,000	CT
B	CHƯA PHÂN BỐ																	88,615	79,379	9,236	

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 140/NQ-HĐND

Đắk Lắk, ngày 27 tháng 6 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

**Về việc cho thôi làm nhiệm vụ đại biểu Hội đồng nhân dân
tỉnh Đắk Lắk khóa X, nhiệm kỳ 2021 – 2026**

THƯỜNG TRỰC HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

*Xét đơn xin thôi làm nhiệm vụ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh khoá X,
nhiệm kỳ 2021-2026 của đại biểu Nguyễn Tuấn Hà;*

*Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng
nhân dân tỉnh tại Công văn số 280/VP-CTHĐND ngày 26 tháng 6 năm 2025 về
việc đề xuất xử lý đơn xin thôi làm nhiệm vụ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh
Đắk Lắk khoá X, nhiệm kỳ 2021-2026 đối với đại biểu Nguyễn Tuấn Hà và ý
kiến của thành viên Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh tại phiên họp ngày 26
tháng 6 năm 2025.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Cho thôi làm nhiệm vụ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk
khóa X, nhiệm kỳ 2021 – 2026 đối với đại biểu Nguyễn Tuấn Hà.

Lý do: Theo nguyện vọng của Đại biểu.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu huyện Ea Kar và đại
biểu Nguyễn Tuấn Hà thực hiện Nghị quyết theo quy định;

Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh tại
kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh gần nhất.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này đã được Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk khóa X, thông qua ngày 26 tháng 6 năm 2025 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua./.

CHỦ TỊCH

Huỳnh Thị Chiến Hòa

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 142/NQ-HĐND

Đắk Lắk, ngày 30 tháng 6 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

Về việc cho thôi làm nhiệm vụ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk khóa X, nhiệm kỳ 2021 – 2026

THƯỜNG TRỰC HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;
Xét đơn xin thôi làm nhiệm vụ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh khoá X, nhiệm kỳ 2021-2026 của đại biểu Lê Vinh Quy;*

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân và ý kiến của thành viên Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Cho thôi làm nhiệm vụ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk khóa X, nhiệm kỳ 2021 – 2026 đối với đại biểu Lê Vinh Quy.

Lý do: Theo nguyện vọng của Đại biểu.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu huyện Cư M'gar và đại biểu Lê Vinh Quy thực hiện Nghị quyết theo quy định;

Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh gần nhất.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này đã được Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk khóa X, thông qua ngày 26 tháng 6 năm 2025 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua./.

TM. THƯỜNG TRỰC HĐND TỈNH
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Phú Hùng

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 143/NQ-HĐND

Đắk Lắk, ngày 30 tháng 6 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

**Về việc cho thôi làm nhiệm vụ đại biểu Hội đồng nhân dân
tỉnh Đắk Lắk khóa X, nhiệm kỳ 2021 – 2026**

THƯỜNG TRỰC HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;
Xét đơn xin thôi làm nhiệm vụ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh khoá X,
nhiệm kỳ 2021-2026 của đại biểu H' Lim Niê;*

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân và ý kiến của thành viên Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Cho thôi làm nhiệm vụ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk khóa X, nhiệm kỳ 2021 – 2026 đối với đại biểu H'Lim Niê.

Lý do: Theo nguyện vọng của Đại biểu.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu huyện Cư M'gar và đại biểu H'Lim Niê thực hiện Nghị quyết theo quy định;

Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh gần nhất.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này đã được Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk khóa X, thông qua ngày 26 tháng 6 năm 2025 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua./.

**TM. THƯỜNG TRỰC HĐND TỈNH
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Trần Phú Hùng

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 144/NQ-HĐND

Đắk Lắk, ngày 30 tháng 6 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

Về việc cho thôi làm nhiệm vụ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk khóa X, nhiệm kỳ 2021 – 2026

THƯỜNG TRỰC HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;
Xét đơn xin thôi làm nhiệm vụ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh khoá X, nhiệm kỳ 2021-2026 của đại biểu H'Kim Hoa Byă;*

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân và ý kiến của thành viên Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Cho thôi làm nhiệm vụ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk khóa X, nhiệm kỳ 2021 – 2026 đối với đại biểu H'Kim Hoa Byă.

Lý do: Theo nguyện vọng của Đại biểu.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu huyện Lắk và đại biểu H'Kim Hoa Byă thực hiện Nghị quyết theo quy định;

Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh gần nhất.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này đã được Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk khóa X, thông qua ngày 26 tháng 6 năm 2025 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua./.

TM. THƯỜNG TRỰC HĐND TỈNH
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Phú Hùng

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 01/NQ-HĐND

Đắk Lắk, ngày 02 tháng 7 năm 2025

NGHỊ QUYẾT
Về việc thành lập Sở Nội vụ tỉnh Đắk Lắk

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK
KHÓA X, KỲ HỌP THỨ NHẤT

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị Quyết số 202/2025/QH15 ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh;

Căn cứ Nghị định số 158/2018/NĐ-CP ngày 22 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể tổ chức hành chính;

Căn cứ Nghị định số 150/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

Xét Tờ trình số 100/TTr-UBND ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về thành lập các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 88/BC-HĐND ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Ban Pháp chế của Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thành lập Sở Nội vụ tỉnh Đắk Lắk trên cơ sở hợp nhất Sở Nội vụ tỉnh Đắk Lắk và Sở Nội vụ tỉnh Phú Yên.

Sở Nội vụ là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; có chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này;

chỉ đạo việc sắp xếp bộ máy bên trong cơ quan chuyên môn và các nội dung liên quan đúng quy định của pháp luật, đảm bảo các cơ quan chuyên môn hoạt động hiệu lực, hiệu quả, thông suốt, không gián đoạn công việc.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc triển khai, thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh khoá X, Kỳ họp thứ Nhất thông qua ngày 02 tháng 7 năm 2025 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày thông qua./.

CHỦ TỊCH

Cao Thị Hòa An

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 02/NQ-HĐND

Đắk Lắk, ngày 02 tháng 7 năm 2025

NGHỊ QUYẾT
Về việc thành lập Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK
KHÓA X, KỲ HỌP THỨ NHẤT

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị Quyết số 202/2025/QH15 ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh;

Căn cứ Nghị định số 158/2018/NĐ-CP ngày 22 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể tổ chức hành chính;

Căn cứ Nghị định số 150/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

Xét Tờ trình số 100/TTr-UBND ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về thành lập các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 88/BC-HĐND ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Ban Pháp chế của Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thành lập Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk trên cơ sở hợp nhất Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk và Sở Tư pháp tỉnh Phú Yên.

Sở Tư pháp là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; có chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này; chỉ đạo việc sắp xếp bộ máy bên trong cơ quan chuyên môn và các nội dung liên quan đúng quy định của pháp luật, đảm bảo các cơ quan chuyên môn hoạt động hiệu lực, hiệu quả, thông suốt, không gián đoạn công việc.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc triển khai, thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh khoá X, Kỳ họp thứ Nhất thông qua ngày 02 tháng 7 năm 2025 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày thông qua./.

CHỦ TỊCH

Cao Thị Hòa An

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 03/NQ-HĐND

Đắk Lắk, ngày 02 tháng 7 năm 2025

NGHỊ QUYẾT
Về việc thành lập Sở Tài chính tỉnh Đắk Lắk

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK
KHÓA X, KỶ HỌP THỨ NHẤT

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị Quyết số 202/2025/QH15 ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh;

Căn cứ Nghị định số 158/2018/NĐ-CP ngày 22 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể tổ chức hành chính;

Căn cứ Nghị định số 150/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

Xét Tờ trình số 100/TTr-UBND ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về thành lập các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 88/BC-HĐND ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Ban Pháp chế của Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thành lập Sở Tài chính tỉnh Đắk Lắk trên cơ sở hợp nhất Sở Tài chính tỉnh Đắk Lắk và Sở Tài chính tỉnh Phú Yên.

Sở Tài chính là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; có chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này; chỉ đạo việc sắp xếp bộ máy bên trong cơ quan chuyên môn và các nội dung liên quan đúng quy định của pháp luật, đảm bảo các cơ quan chuyên môn hoạt động hiệu lực, hiệu quả, thông suốt, không gián đoạn công việc.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc triển khai, thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh khoá X, Kỳ họp thứ Nhất thông qua ngày 02 tháng 7 năm 2025 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày thông qua./.

CHỦ TỊCH

Cao Thị Hòa An

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 04/NQ-HĐND

Đắk Lắk, ngày 02 tháng 7 năm 2025

NGHỊ QUYẾT
Về việc thành lập Sở Công Thương tỉnh Đắk Lắk

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK
KHÓA X, KỲ HỌP THỨ NHẤT

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị Quyết số 202/2025/QH15 ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh;

Căn cứ Nghị định số 158/2018/NĐ-CP ngày 22 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể tổ chức hành chính;

Căn cứ Nghị định số 150/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

Xét Tờ trình số 100/TTr-UBND ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về thành lập các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 88/BC-HĐND ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Ban Pháp chế của Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thành lập Sở Công Thương tỉnh Đắk Lắk trên cơ sở hợp nhất Sở Công Thương tỉnh Đắk Lắk và Sở Công Thương tỉnh Phú Yên.

Sở Công Thương là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; có chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này; chỉ đạo việc sắp xếp bộ máy bên trong cơ quan chuyên môn và các nội dung liên quan đúng quy định của pháp luật, đảm bảo các cơ quan chuyên môn hoạt động hiệu lực, hiệu quả, thông suốt, không gián đoạn công việc.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc triển khai, thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh khoá X, Kỳ họp thứ Nhất thông qua ngày 02 tháng 7 năm 2025 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày thông qua./.

CHỦ TỊCH

Cao Thị Hòa An

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 05/NQ-HĐND

Đắk Lắk, ngày 02 tháng 7 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

Về việc thành lập Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đắk Lắk

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK
KHÓA X, KỲ HỌP THỨ NHẤT**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị Quyết số 202/2025/QH15 ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh;

Căn cứ Nghị định số 158/2018/NĐ-CP ngày 22 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể tổ chức hành chính;

Căn cứ Nghị định số 150/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

Xét Tờ trình số 100/TTr-UBND ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về thành lập các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 88/BC-HĐND ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Ban Pháp chế của Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thành lập Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đắk Lắk trên cơ sở hợp nhất Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đắk Lắk và Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Phú Yên.

Sở Nông nghiệp và Môi trường là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; có chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này; chỉ đạo việc sắp xếp bộ máy bên trong cơ quan chuyên môn và các nội dung liên quan đúng quy định của pháp luật, đảm bảo các cơ quan chuyên môn hoạt động hiệu lực, hiệu quả, thông suốt, không gián đoạn công việc.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc triển khai, thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh khoá X, Kỳ họp thứ Nhất thông qua ngày 02 tháng 7 năm 2025 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày thông qua./.

CHỦ TỊCH

Cao Thị Hòa An

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 06/NQ-HĐND

Đắk Lắk, ngày 02 tháng 7 năm 2025

NGHỊ QUYẾT
Về việc thành lập Sở Xây dựng tỉnh Đắk Lắk

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK
KHÓA X, KỲ HỌP THỨ NHẤT

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị Quyết số 202/2025/QH15 ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh;

Căn cứ Nghị định số 158/2018/NĐ-CP ngày 22 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể tổ chức hành chính;

Căn cứ Nghị định số 150/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

Xét Tờ trình số 100/TTr-UBND ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về thành lập các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 88/BC-HĐND ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Ban Pháp chế của Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thành lập Sở Xây dựng tỉnh Đắk Lắk trên cơ sở hợp nhất Sở Xây dựng tỉnh Đắk Lắk và Sở Xây dựng tỉnh Phú Yên.

Sở Xây dựng là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; có chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này; chỉ đạo việc sắp xếp bộ máy bên trong cơ quan chuyên môn và các nội dung liên quan đúng quy định của pháp luật, đảm bảo các cơ quan chuyên môn hoạt động hiệu lực, hiệu quả, thông suốt, không gián đoạn công việc.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc triển khai, thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh khoá X, Kỳ họp thứ Nhất thông qua ngày 02 tháng 7 năm 2025 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày thông qua./.

CHỦ TỊCH

Cao Thị Hòa An

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 07/NQ-HĐND

Đắk Lắk, ngày 02 tháng 7 năm 2025

NGHỊ QUYẾT
Về việc thành lập Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Đắk Lắk

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK
KHÓA X, KỲ HỌP THỨ NHẤT

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị Quyết số 202/2025/QH15 ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh;

Căn cứ Nghị định số 158/2018/NĐ-CP ngày 22 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể tổ chức hành chính;

Căn cứ Nghị định số 150/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

Xét Tờ trình số 100/TTr-UBND ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về thành lập các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 88/BC-HĐND ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Ban Pháp chế của Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thành lập Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Đắk Lắk trên cơ sở hợp nhất Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Đắk Lắk và Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Phú Yên.

Sở Khoa học và Công nghệ là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; có chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này; chỉ đạo việc sắp xếp bộ máy bên trong cơ quan chuyên môn và các nội dung liên quan đúng quy định của pháp luật, đảm bảo các cơ quan chuyên môn hoạt động hiệu lực, hiệu quả, thông suốt, không gián đoạn công việc.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc triển khai, thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh khoá X, Kỳ họp thứ Nhất thông qua ngày 02 tháng 7 năm 2025 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày thông qua./.

CHỦ TỊCH

Cao Thị Hòa An

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 08/NQ-HĐND

Đắk Lắk, ngày 02 tháng 7 năm 2025

NGHỊ QUYẾT
Về việc thành lập Sở Dân tộc và Tôn giáo tỉnh Đắk Lắk

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK
KHÓA X, KỲ HỌP THỨ NHẤT

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị Quyết số 202/2025/QH15 ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh;

Căn cứ Nghị định số 158/2018/NĐ-CP ngày 22 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể tổ chức hành chính;

Căn cứ Nghị định số 150/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

Xét Tờ trình số 100/TTr-UBND ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về thành lập các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 88/BC-HĐND ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Ban Pháp chế của Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thành lập Sở Dân tộc và Tôn giáo tỉnh Đắk Lắk trên cơ sở hợp nhất Sở Dân tộc và Tôn giáo tỉnh Đắk Lắk và Sở Dân tộc và Tôn giáo tỉnh Phú Yên.

Sở Dân tộc và Tôn giáo là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; có chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này; chỉ đạo việc sắp xếp bộ máy bên trong cơ quan chuyên môn và các nội dung liên quan đúng quy định của pháp luật, đảm bảo các cơ quan chuyên môn hoạt động hiệu lực, hiệu quả, thông suốt, không gián đoạn công việc.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc triển khai, thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh khoá X, Kỳ họp thứ Nhất thông qua ngày 02 tháng 7 năm 2025 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày thông qua./.

CHỦ TỊCH

Cao Thị Hòa An

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 09/NQ-HĐND

Đắk Lắk, ngày 02 tháng 7 năm 2025

NGHỊ QUYẾT
Về việc thành lập Sở Y tế tỉnh Đắk Lắk

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK
KHÓA X, KỲ HỌP THỨ NHẤT

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị Quyết số 202/2025/QH15 ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh;

Căn cứ Nghị định số 158/2018/NĐ-CP ngày 22 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể tổ chức hành chính;

Căn cứ Nghị định số 150/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

Xét Tờ trình số 100/TTr-UBND ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về thành lập các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 88/BC-HĐND ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Ban Pháp chế của Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thành lập Sở Y tế tỉnh Đắk Lắk trên cơ sở hợp nhất Sở Y tế tỉnh Đắk Lắk và Sở Y tế tỉnh Phú Yên.

Sở Y tế là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; có chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này; chỉ đạo việc sắp xếp bộ máy bên trong cơ quan chuyên môn và các nội dung liên quan đúng quy định của pháp luật, đảm bảo các cơ quan chuyên môn hoạt động hiệu lực, hiệu quả, thông suốt, không gián đoạn công việc.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc triển khai, thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh khoá X, Kỳ họp thứ Nhất thông qua ngày 02 tháng 7 năm 2025 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày thông qua./.

CHỦ TỊCH

Cao Thị Hòa An

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 10/NQ-HĐND

Đắk Lắk, ngày 02 tháng 7 năm 2025

NGHỊ QUYẾT
Về việc thành lập Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Đắk Lắk

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK
KHÓA X, KỲ HỌP THỨ NHẤT

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị Quyết số 202/2025/QH15 ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh;

Căn cứ Nghị định số 158/2018/NĐ-CP ngày 22 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể tổ chức hành chính;

Căn cứ Nghị định số 150/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

Xét Tờ trình số 100/TTr-UBND ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về thành lập các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 88/BC-HĐND ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Ban Pháp chế của Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thành lập Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Đắk Lắk trên cơ sở hợp nhất Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Đắk Lắk và Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Phú Yên.

Sở Giáo dục và Đào tạo là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; có chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này;

chỉ đạo việc sắp xếp bộ máy bên trong cơ quan chuyên môn và các nội dung liên quan đúng quy định của pháp luật, đảm bảo các cơ quan chuyên môn hoạt động hiệu lực, hiệu quả, thông suốt, không gián đoạn công việc.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc triển khai, thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh khoá X, Kỳ họp thứ Nhất thông qua ngày 02 tháng 7 năm 2025 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày thông qua./.

CHỦ TỊCH

Cao Thị Hòa An

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 11/NQ-HĐND

Đắk Lắk, ngày 02 tháng 7 năm 2025

NGHỊ QUYẾT
Về việc thành lập Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Đắk Lắk

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK
KHÓA X, KỲ HỌP THỨ NHẤT

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị Quyết số 202/2025/QH15 ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh;

Căn cứ Nghị định số 158/2018/NĐ-CP ngày 22 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể tổ chức hành chính;

Căn cứ Nghị định số 150/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

Xét Tờ trình số 100/TTr-UBND ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về thành lập các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 88/BC-HĐND ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Ban Pháp chế của Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thành lập Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Đắk Lắk trên cơ sở hợp nhất Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Đắk Lắk và Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Phú Yên.

Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; có chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này; chỉ đạo việc sắp xếp bộ máy bên trong cơ quan chuyên môn và các nội dung liên quan đúng quy định của pháp luật, đảm bảo các cơ quan chuyên môn hoạt động hiệu lực, hiệu quả, thông suốt, không gián đoạn công việc.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc triển khai, thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh khoá X, Kỳ họp thứ Nhất thông qua ngày 02 tháng 7 năm 2025 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày thông qua./.

CHỦ TỊCH

Cao Thị Hòa An

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 12/NQ-HĐND

Đắk Lắk, ngày 02 tháng 7 năm 2025

NGHỊ QUYẾT
Về việc thành lập Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK
KHÓA X, KỲ HỌP THỨ NHẤT

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị Quyết số 202/2025/QH15 ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh;

Căn cứ Nghị định số 158/2018/NĐ-CP ngày 22 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể tổ chức hành chính;

Căn cứ Nghị định số 150/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

Xét Tờ trình số 100/TTr-UBND ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về thành lập các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 88/BC-HĐND ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Ban Pháp chế của Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thành lập Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk trên cơ sở hợp nhất Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk và Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên.

Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; có chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này; chỉ đạo việc sắp xếp bộ máy bên trong cơ quan chuyên môn và các nội dung liên quan đúng quy định của pháp luật, đảm bảo các cơ quan chuyên môn hoạt động hiệu lực, hiệu quả, thông suốt, không gián đoạn công việc.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc triển khai, thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh khoá X, Kỳ họp thứ Nhất thông qua ngày 02 tháng 7 năm 2025 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày thông qua./.

CHỦ TỊCH

Cao Thị Hòa An

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 13/NQ-HĐND

Đắk Lắk, ngày 02 tháng 7 năm 2025

NGHỊ QUYẾT
Về việc thành lập Thanh tra tỉnh Đắk Lắk

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK
KHÓA X, KỲ HỌP THỨ NHẤT

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị Quyết số 202/2025/QH15 ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh;

Căn cứ Nghị định số 158/2018/NĐ-CP ngày 22 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể tổ chức hành chính;

Căn cứ Nghị định số 150/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

Xét Tờ trình số 100/TTr-UBND ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về thành lập các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 88/BC-HĐND ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Ban Pháp chế của Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thành lập Thanh tra tỉnh Đắk Lắk trên cơ sở hợp nhất Thanh tra tỉnh Đắk Lắk và Thanh tra tỉnh Phú Yên.

Thanh tra tỉnh là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; có chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này; chỉ đạo việc sắp xếp bộ máy bên trong cơ quan chuyên môn và các nội dung liên quan đúng quy định của pháp luật, đảm bảo các cơ quan chuyên môn hoạt động hiệu lực, hiệu quả, thông suốt, không gián đoạn công việc.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc triển khai, thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh khoá X, Kỳ họp thứ Nhất thông qua ngày 02 tháng 7 năm 2025 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày thông qua./.

CHỦ TỊCH

Cao Thị Hòa An

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

Số: 14/NQ-HĐND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Đắk Lắk, ngày 02 tháng 7 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

**Về việc thành lập các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh
Đắk Lắk khóa X, nhiệm kỳ 2021 - 2026**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK
KHÓA X, KỲ HỌP THỨ NHẤT**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh;

Căn cứ Nghị quyết số 1731/NQ-UBTVQH15 ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội chỉ định Chủ tịch, Phó Chủ tịch, Trưởng các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk nhiệm kỳ 2021-2026;

Căn cứ Nghị quyết số 1130/2016/NQ-UBTVQH13 ngày 14 tháng 01 năm 2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn, điều kiện thành lập Ban Dân tộc của Hội đồng nhân dân tỉnh, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh.

Xét Tờ trình số 13/TTr-HĐND ngày 02 tháng 7 năm 2025 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk về việc thành lập các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa X, nhiệm kỳ 2021 - 2026; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại Kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thành lập 04 (Bốn) Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk khóa X, nhiệm kỳ 2021 - 2026, gồm:

1. Ban Kinh tế - Ngân sách;
2. Ban Pháp chế;
3. Ban Văn hóa - Xã hội;
4. Ban Dân tộc.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk khóa X, Kỳ họp thứ Nhất thông qua ngày 02 tháng 7 năm 2025 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

CHỦ TỊCH**Cao Thị Hòa An**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 15/NQ-HĐND

Đắk Lắk, ngày 02 tháng 7 năm 2025

NGHỊ QUYẾT
**Về việc thành lập Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội
và Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk**

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK
KHOÁ X, KỲ HỌP THỨ NHẤT

Căn cứ Luật Tổ chức Quốc hội ngày 20 tháng 11 năm 2014; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Quốc hội ngày 19 tháng 6 năm 2020; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Quốc hội ngày 17 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 1004/2020/UBTVQH14 ngày 18 tháng 9 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc thành lập và quy định vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân cấp tỉnh;

Căn cứ Hướng dẫn số 1309/HD-UBTVQH15 ngày 11 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về một số nội dung về tổ chức và hoạt động của Đoàn đại biểu Quốc hội khóa XV, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp xã nhiệm kỳ 2021 - 2026 sau sắp xếp đơn vị hành chính năm 2025;

Xét Tờ trình số 14/TTr-HĐND ngày 02 tháng 7 năm 2025 của Thường trực HĐND tỉnh về việc thành lập Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thành lập Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk (mới) trên cơ sở hợp nhất Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk và Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Yên.

Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk là cơ quan tương đương sở, chịu sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp của Trưởng Đoàn, Phó Trưởng Đoàn đại biểu Quốc hội và Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, có chức năng tham mưu, giúp việc, phục vụ hoạt động của Đoàn đại biểu Quốc hội, đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh; thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Điều 2 Nghị quyết số 1004/2020/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc triển khai, thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh khoá X, Kỳ họp thứ Nhất thông qua ngày 02 tháng 7 năm 2025 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày thông qua./.

CHỦ TỊCH

Cao Thị Hoà An

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

Số: 16/NQ-HĐND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Đắk Lắk, ngày 02 tháng 7 năm 2025

NGHỊ QUYẾT
Về việc tổ chức các kỳ họp của
Hội đồng nhân dân tỉnh 6 tháng cuối năm 2025

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK
KHÓA X, KỲ HỌP THỨ NHẤT

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Xét Tờ trình số 15/TTr-HĐND ngày 02 tháng 7 năm 2025 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh về việc tổ chức các kỳ họp của Hội đồng nhân dân tỉnh 6 tháng cuối năm 2025; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại Kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Tổ chức các kỳ họp của Hội đồng nhân dân tỉnh 6 tháng cuối năm 2025, gồm:

1. Kỳ họp thứ Nhất, Hội đồng nhân dân tỉnh khóa X, nhiệm kỳ 2021 - 2026 tổ chức ngày 02 tháng 7 năm 2025.

2. Tổ chức các Kỳ họp Chuyên đề khác theo yêu cầu của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc ít nhất một phần ba tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh.

3. Kỳ họp thường lệ cuối năm, dự kiến tổ chức trong khoảng thời gian từ ngày 01 đến ngày 10 tháng 12 năm 2025.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các cơ quan có liên quan chuẩn bị nội dung các kỳ họp của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk khóa X, Kỳ họp thứ Nhất, thông qua ngày 02 tháng 7 năm 2025 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

CHỦ TỊCH**Cao Thị Hòa An**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

Số: 17/NQ-HĐND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Đắk Lắk, ngày 02 tháng 7 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

Chương trình giám sát của Hội đồng nhân dân tỉnh năm 2026

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK KHÓA X, KỲ HỌP THỨ NHẤT

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân ngày 20 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 594/NQ-UBTVQH15 ngày 12/9/2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về Hướng dẫn hoạt động giám sát của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân;

Xét Tờ trình số 16/TTr-HĐND ngày 02 tháng 7 năm 2025 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh về Chương trình giám sát của Hội đồng nhân dân tỉnh năm 2026; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Chương trình giám sát của Hội đồng nhân dân tỉnh năm 2026, như sau:

1. Giám sát tại các kỳ họp thường lệ trong năm 2026

a) Xem xét báo cáo công tác 06 tháng, hàng năm của Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh, Tòa án nhân dân tỉnh, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh, Cơ quan Thi hành án dân sự tỉnh.

b) Xem xét báo cáo của Ủy ban nhân dân tỉnh về kinh tế - xã hội; về thực hiện ngân sách nhà nước, quyết toán ngân sách địa phương; công tác phòng, chống tham nhũng; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; công tác phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật; việc giải quyết khiếu nại, tố cáo và kiến nghị của cử tri; báo cáo về việc thi hành pháp luật trong một số lĩnh vực khác theo quy định của pháp luật và báo cáo khác theo đề nghị của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

c) Xem xét trả lời chất vấn của Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Ủy viên Ủy ban nhân dân tỉnh, Chánh án Tòa án nhân dân, Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân và Thủ trưởng các cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Giám sát thường xuyên và chuyên đề trong năm 2026

2.1. Giám sát thường xuyên

a) Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc tuân theo Hiến pháp, pháp luật ở địa phương và việc thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh; giám sát hoạt động của Ủy ban nhân dân, các cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân, Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân, cơ quan Thi hành án dân sự tỉnh; giám sát quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh, nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp xã trực tiếp; giúp Hội đồng nhân dân tỉnh thực hiện quyền giám sát theo sự phân công của Hội đồng nhân dân tỉnh.

b) Các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh giúp Hội đồng nhân dân tỉnh, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát hoạt động của Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân, cơ quan Thi hành án dân sự tỉnh; giám sát hoạt động của Ủy ban nhân dân, các cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh thuộc lĩnh vực Ban phụ trách; giám sát văn bản quy phạm pháp luật thuộc lĩnh vực Ban phụ trách.

c) Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc tuân theo Hiến pháp, luật, văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan Nhà nước cấp trên ở địa phương, nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh và giám sát các nội dung do Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh phân công.

d) Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh chất vấn Chủ tịch Ủy ban nhân dân, thành viên khác của Ủy ban nhân dân, Chánh án Tòa án nhân dân, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân, Thủ trưởng các cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình giám sát việc tuân theo Hiến pháp và pháp luật; giám sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị của công dân ở địa phương.

2.2. Giám sát chuyên đề

Giám sát việc sắp xếp, tổ chức bộ máy; thực hiện các chế độ, chính sách cán bộ, công chức, người lao động và trụ sở làm việc, cơ sở vật chất, phương tiện phục vụ công tác thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính, tổ chức chính quyền địa phương hai cấp.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh:

Ban hành kế hoạch tổ chức thực hiện Nghị quyết này; phân công, chỉ đạo, điều hòa, phối hợp hoạt động giám sát các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh. Hướng dẫn các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh trong việc thực hiện hoạt động giám sát; theo dõi, đôn đốc, tổng hợp kết quả giải quyết các kiến nghị giám sát và

báo cáo kết quả việc thực hiện Chương trình giám sát tại kỳ họp giữa năm 2027 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Chủ động lựa chọn nội dung xây dựng chương trình, tiến hành hoạt động giám sát của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, báo cáo kết quả theo quy định của pháp luật.

Tổ chức các phiên chất vấn, giải trình giữa hai kỳ họp của Hội đồng nhân dân tỉnh khi thấy cần thiết; tổ chức hoặc phân công các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh tiến hành giám sát, khảo sát một số nội dung được dư luận và cử tri quan tâm.

2. Các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh căn cứ điều kiện và tình hình thực tế, chủ động lựa chọn nội dung hoặc các vấn đề do Hội đồng nhân dân tỉnh, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh phân công để xây dựng nội dung, chương trình giám sát và báo cáo kết quả theo quy định.

3. Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh căn cứ vào điều kiện, tình hình thực tế, chủ động lựa chọn nội dung hoặc các vấn đề do Hội đồng nhân dân tỉnh, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh phân công để xây dựng chương trình và tiến hành giám sát và báo cáo kết quả theo quy định.

4. Các cơ quan, đơn vị có liên quan có trách nhiệm thực hiện và tạo điều kiện thuận lợi để Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh thực hiện nhiệm vụ; đồng thời, có trách nhiệm giải quyết, thực hiện các kiến nghị sau giám sát theo quy định của pháp luật.

5. Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh phối hợp, tham gia các hoạt động giám sát của Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh; giám sát, phối hợp đánh giá chất lượng hoạt động của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk khóa X, Kỳ họp thứ Nhất thông qua ngày 02 tháng 7 năm 2025 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

CHỦ TỊCH

Cao Thị Hòa An

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 18/NQ-HĐND

Đắk Lắk, ngày 02 tháng 7 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

Quyết định áp dụng văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân tỉnh sau khi hợp nhất tỉnh Đắk Lắk và tỉnh Phú Yên

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK
KHÓA X, KỲ HỌP THỨ NHẤT**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh;

Xét Tờ trình số 456 /TTr-HĐND ngày 28 tháng 6 năm 2025 của Ban Pháp chế của HĐND tỉnh Đắk Lắk (cũ) về Dự thảo nghị quyết quyết định việc áp dụng văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân tỉnh sau sắp xếp tỉnh Đắk Lắk và tỉnh Phú Yên; Báo cáo thẩm tra số 01/BC-HĐND ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Ban Văn hóa - Xã hội của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Áp dụng các nghị quyết quy phạm pháp luật sau đây trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk (mới) sau khi hợp nhất tỉnh Đắk Lắk và tỉnh Phú Yên:

1. Nghị quyết số 19/2023/NQ-HĐND ngày 14/11/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk (cũ) ban hành Quy định về một số chế độ và điều kiện đảm bảo hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

2. Nghị quyết số 14/2023/NQ-HĐND ngày 10/10/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk (cũ) ban hành Quy chế bảo vệ bí mật nhà nước của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, Văn phòng Đoàn đại biểu quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân các cấp và các đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan thực hiện Nghị quyết này.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk Khóa X, Kỳ họp thứ Nhất thông qua ngày 02 tháng 7 năm 2025 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua./.

CHỦ TỊCH

Cao Thị Hòa An

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK

Số: 0155/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đắk Lắk, ngày 04 tháng 7 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thống nhất áp dụng Quy chế làm việc của UBND tỉnh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh;

Căn cứ Nghị quyết số 001/NQ-UBND ngày 04 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh Đắk Lắk về thống nhất áp dụng Quy chế làm việc của UBND tỉnh;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng UBND tỉnh tại Tờ trình số 001/TTr-VP UBND ngày 03 tháng 7 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thống nhất áp dụng Quy chế làm việc của UBND tỉnh Phú Yên (ban hành kèm Quyết định số 04/2023/QĐ-UBND ngày 23/02/2023 của UBND tỉnh Phú Yên), làm Quy chế làm việc của UBND tỉnh Đắk Lắk, theo quy định tại khoản 20, Điều 1, Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

Đối với các nội dung quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật ban hành sau thời điểm ban hành Quy chế làm việc của UBND tỉnh Phú Yên mà khác hoặc chưa được quy định trong Quy chế này, thì thực hiện theo quy định của các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành có liên quan.

Việc thực hiện Quy chế làm việc của UBND tỉnh phải đảm bảo thống nhất với Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh và phù hợp với điều kiện thực tiễn vận hành của chính quyền địa phương hai cấp hiện nay.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Quyết định này bãi bỏ Quyết định số 23/2024/QĐ-UBND ngày 10/6/2024 của UBND tỉnh Đắk Lắk ban hành Quy chế làm việc của UBND tỉnh Đắk Lắk.

Điều 3. Văn phòng UBND tỉnh chịu trách nhiệm đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Quy chế làm việc của UBND tỉnh. Các thành viên UBND tỉnh, Thủ trưởng cơ quan thuộc UBND tỉnh, Chủ tịch UBND các xã, phường và các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Tạ Anh Tuấn

VĂN PHÒNG UBND TỈNH ĐẮK LẮK XUẤT BẢN

Địa chỉ : Số 09 Lê Duẩn - phường Buôn Ma Thuật - tỉnh Đắk Lắk

Điện thoại : 080.50557 - 080.50584

Fax : 080.50554

E-mail: congbao@daklak.gov.vn

Website: <http://congbao.daklak.gov.vn>

In tại:

Giá: đồng